



BỘ TÀI CHÍNH
THE MINISTRY OF FINANCE

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
*(Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 thay thế
Thông tư 200/2014/TT-BTC)*



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

Phần 1 Quy định chung

***HÃY LÀM QUEN VỚI VIỆC
XÉT ĐOÁN BẢN CHẤT GIAO DỊCH VÀ
KẾ TOÁN THEO NGUYÊN TẮC***



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

1. Tổng quan

- ✓ Áp dụng cho Báo cáo tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1/1/2026;
- ✓ Chế độ kế toán chỉ hướng dẫn một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu. Trường hợp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa được hướng dẫn trong CĐKT, doanh nghiệp căn cứ vào nội dung, bản chất của giao dịch kinh tế phát sinh và các quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các nguyên tắc hướng dẫn tại Thông tư này để thực hiện.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Công tác quản trị và kiểm soát nội bộ

- (1). Việc tạo lập, thực hiện và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh của doanh nghiệp phải dựa trên cơ sở quy định của pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan.
- (2). Doanh nghiệp có trách nhiệm tự xây dựng quy chế quản trị nội bộ và tổ chức kiểm soát nội bộ nhằm phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân có liên quan trong việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

4. Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại đơn vị trực thuộc doanh nghiệp

- (1) Được quyền phân cấp cho đơn vị trực thuộc trong việc ghi nhận khoản vốn mà doanh nghiệp cấp cho đơn vị trực thuộc là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu, ghi nhận hoặc không ghi nhận doanh thu, giá vốn khi luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các khâu trong nội bộ mà không phụ thuộc vào hình thức của chứng từ kế toán (hóa đơn hay chứng từ luân chuyển nội bộ) phù hợp với mô hình và yêu cầu quản lý hoạt động SXKD của doanh nghiệp;
- (2) Được quyền phân cấp cho đơn vị trực thuộc **lập hay không lập BCTC**. Khi nộp BCTC cho cơ quan có thẩm quyền hoặc công khai theo quy định đều phải bao gồm thông tin tài chính của cả trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc bất kể đơn vị trực thuộc có lập BCTC hay không.



5. Về tài khoản kế toán

- (1) Doanh nghiệp được bổ sung hoặc sửa đổi các tài khoản kế toán về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung, phương pháp hạch toán giao dịch kinh tế phát sinh cho phù hợp với đơn vị.
- (2) Khi bổ sung hoặc sửa đổi các TK về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung, phương pháp hạch toán thì phải ban hành tài liệu hướng dẫn (Quy chế hạch toán); đảm bảo không trùng lặp đối tượng; tuân thủ các nguyên tắc kế toán theo quy định; đảm bảo quá trình truy xuất dữ liệu, kiểm tra, kiểm soát và không được làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến các chỉ tiêu, thông tin trình bày trên BCTC và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sửa đổi, bổ sung đó.
- (3) Bãi bỏ một số tài khoản; Sửa đổi, bổ sung về số hiệu, tên gọi một số tài khoản



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(4). Chuyển đổi sổ dư

- ✓ Các TK không có TK cấp 2 thì đơn vị tự mở chi tiết phù hợp với yêu cầu quản lý (nếu có).
- ✓ Các doanh nghiệp là bên tham gia góp vốn nhưng không phải là bên kế toán cho BCC: Nếu đến 1/1/2026 mà BCC chưa kết thúc thì căn cứ vào sổ dư chi tiết TK138 để chuyển sang TK 2281 phù hợp với bản chất và địa vị của doanh nghiệp trong BCC.
- ✓ Chi tiết chi phí về nâng cấp, cải tạo TSCĐ trên TK2413 - Sửa chữa lớn TSCĐ được chuyển sang TK2414 - Nâng cấp, cải tạo TSCĐ.
- ✓ Sổ dư chi tiết của TK338 về số phải trả cổ tức, lợi nhuận để chuyển sang Tài khoản 332 - Phải trả cổ tức, lợi nhuận.
- ✓ Sổ dư TK441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB và TK466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ được chuyển sang Tài khoản 4118 - Vốn khác.



6. Về Báo cáo tài chính

- (1) Doanh nghiệp được bổ sung thêm các chỉ tiêu hoặc sửa đổi theo hướng chi tiết thêm thông tin các chỉ tiêu của BCTC nhưng phải trình bày và thuyết minh đầy đủ các sửa đổi, bổ sung và đáp ứng được các yêu cầu của Luật Kế toán, tuân thủ các nguyên tắc lập và trình bày BCTC. Doanh nghiệp phải ban hành tài liệu hướng dẫn về những sửa đổi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sửa đổi, bổ sung đó.
- (2) Trường hợp doanh nghiệp có đặc thù và vướng mắc dẫn đến không thể sửa đổi, bổ sung được tên, nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu của BCTC thì báo cáo Bộ Tài chính để được hướng dẫn.
- (3) Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu của BCTC



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- (4) Các doanh nghiệp phải lập BCTC năm dạng đầy đủ; Việc lập BCTC giữa niên độ hoặc theo kỳ kế toán khác thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc yêu cầu quản lý của đơn vị. Trường hợp pháp luật có liên quan không có quy định cụ thể về loại BCTC giữa niên độ thì doanh nghiệp được lựa chọn lập BCTC giữa niên độ dưới dạng đầy đủ hoặc tóm lược.
- (5) Doanh nghiệp có các đơn vị trực thuộc phải tổng hợp thông tin tài chính của trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc vào BCTC trên cơ sở loại trừ tất cả các giao dịch nội bộ. Trong trường hợp này, trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc không bắt buộc phải lập BCTC của đơn vị mình, trừ trường hợp pháp luật khác có yêu cầu.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(6). Phân loại tài sản ngắn hạn

- a) Khi dự kiến thu hồi hoặc bán, sử dụng tài sản trong một chu kỳ kinh doanh thông thường hoặc không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh thông thường không rõ ràng thì chu kỳ kinh doanh được coi là 12 tháng.
- b) Nắm giữ tài sản cho mục đích thương mại;
- c) Tài sản là tiền hoặc tương đương tiền, trừ khi bị cầm trao đổi hoặc không được sử dụng để thanh toán cho một nghĩa vụ nợ phải trả quá 12 tháng

Những tài sản khác không thỏa mãn các điều kiện trên được phân loại là dài hạn. Đơn vị phải tái phân loại tài sản dài hạn kỳ trước thành ngắn hạn trong kỳ này nếu kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán các tài sản đó thỏa mãn điều kiện là ngắn hạn (trừ những trường hợp không được tái phân loại theo hướng dẫn tại Thông tư này).



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(7). Phân loại nợ phải trả ngắn hạn

- a) Khi dự kiến thanh toán không quá 12 tháng trong một chu kỳ kinh doanh thông thường hoặc;
- b) Nắm giữ chủ yếu vì mục đích kinh doanh;
- c) Khi không có quyền từ chối nghĩa vụ thanh toán khoản nợ phải trả (kể cả trường hợp theo quyền chọn của bên đối tác, khoản nợ phải trả sẽ được doanh nghiệp thanh toán bằng cách phát hành các công cụ vốn) tại bất kỳ thời điểm nào trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

Những khoản nợ phải trả khác không thỏa mãn các điều kiện trên được phân loại là dài hạn. Đơn vị phải tái phân loại nợ phải trả dài hạn kỳ trước thành ngắn hạn trong kỳ này nếu kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán các khoản nợ phải trả đó thỏa mãn điều kiện là ngắn hạn (trừ những trường hợp không được tái phân loại theo hướng dẫn tại Thông tư này).



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Một số lưu ý quan trọng về phân loại nợ phải trả

(7.1) Tham chiếu với chu kỳ kinh doanh thông thường

- ✓ Một số khoản như phải trả người bán, phải trả nhân viên và các khoản khác là một phần của vốn lưu động được sử dụng trong chu kỳ kinh doanh thông thường thì phải phân loại là ngắn hạn ngay cả khi đến hạn thanh toán sau hơn 12 tháng kể từ ngày báo cáo (Các khoản nợ phải trả tài chính thường không phụ thuộc vào chu kỳ kinh doanh thông thường nếu đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng hoặc được nắm giữ cho mục đích kinh doanh thì phải phân loại là ngắn hạn)...
- ✓ Trường hợp lựa chọn phân loại tài sản và nợ phải trả theo chu kỳ kinh doanh thông thường, đơn vị phải thuyết minh giá trị dự kiến sẽ được thu hồi hoặc phải thanh toán trên 12 tháng đối với từng chỉ tiêu tài sản và nợ phải trả khi các chỉ tiêu này bao gồm giá trị dự kiến sẽ được thu hồi hay phải thanh toán:
 - (i) từ 12 tháng trở xuống kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, và
 - (ii) trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

(7.2) Thỏa thuận gia hạn nợ (tái tài trợ, tái tục nợ phải trả)

Phải phân loại các khoản nợ tài chính là ngắn hạn khi chúng đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng kể cả khi:

- (a) Kỳ hạn thanh toán gốc dài hơn 12 tháng, và
- (b) thỏa thuận để tái tài trợ hoặc cơ cấu lại điều khoản thanh toán trên cơ sở dài hạn được chấp nhận sau ngày báo cáo và trước khi BCTC được phát hành;

Đối với thỏa thuận tái tài trợ đã được quy định sẵn trong hợp đồng vay: Nếu đơn vị dự kiến và có quyền tự quyết việc được tiếp tục tái tài trợ hoặc tái tục kỳ hạn thanh toán của khoản vay trong vòng 12 tháng thì phải phân loại là dài hạn, kể cả khi đến hạn trong khoảng thời gian ngắn hơn (**Bản chất là gia hạn khoản vay cũ**)



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(7.3) Khi vi phạm điều khoản vay

- ✓ Khi vi phạm điều khoản của hợp đồng vay dài hạn trước hoặc vào ngày báo cáo dẫn đến việc khoản nợ phải trả dài hạn trở thành khoản phải trả theo yêu cầu thì phải phân loại là nợ ngắn hạn, kể cả khi sau ngày báo cáo và trước khi BCTC được phát hành, bên cho vay không yêu cầu phải thanh toán ngay (do vào ngày báo cáo đơn vị không có quyền trì hoãn vô điều kiện việc thanh toán trong vòng ít nhất là 12 tháng).
- ✓ Tuy nhiên, vẫn phân loại là dài hạn nếu khi kết thúc kỳ báo cáo bên cho vay đồng ý cho phép một khoảng thời gian ân hạn ít nhất là 12 tháng để đơn vị có thể khắc phục vi phạm và trong suốt khoảng thời gian này bên cho vay không thể yêu cầu hoàn trả ngay lập tức.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

Lưu ý:

Đối với các khoản vay được phân loại là nợ phải trả ngắn hạn, nếu các sự kiện sau đây xảy ra giữa thời điểm kết thúc kỳ báo cáo và ngày báo cáo tài chính được phê duyệt để phát hành, những sự kiện này được trình bày như các sự kiện không điều chỉnh theo quy định của VAS 23 - *Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm*:

- ✓ Thỏa thuận Tái tài trợ khoản vay ngắn hạn thành khoản vay dài hạn;
- ✓ Bên cho vay cho phép một khoảng thời gian ân hạn để khắc phục vi phạm của thỏa thuận vay dài hạn, kết thúc ít nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc kỳ báo cáo.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- (9) Trường hợp nếu phát hiện Báo cáo tài chính của các kỳ trước có sai sót trọng yếu thì phải được điều chỉnh hồi tố **hoặc hồi tố đơn giản** theo quy định.
- (10). Các khoản mục doanh thu, thu nhập và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc tạo ra các khoản doanh thu, thu nhập đó phải được trình bày theo nguyên tắc phù hợp và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.



**Phù hợp về thời điểm ghi nhận
và phù hợp về cách thức trình bày trên BCTC**



Chỉ một bộ phận của giá vốn hàng bán và một số khoản thu nhập, chi phí mới yêu cầu tuân thủ nguyên tắc này



MỘT SỐ LƯU Ý

Các chi phí thời kỳ như chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tài chính, chi phí khác không phụ thuộc vào việc có doanh thu, thu nhập hay không thì được ghi nhận trong kỳ phát sinh không yêu cầu phải phù hợp với doanh thu

Ví dụ về các chi phí không yêu cầu nguyên tắc phù hợp

- ✓ Chi phí lãi vay; Lỗ tỷ giá;
- ✓ Chi phí khấu hao, tiền lương, thuê văn phòng bộ phận quản lý, bán hàng...;
- ✓ Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho, phải thu khó đòi..;
- ✓ Chi phí phạt hợp đồng kinh tế...
- ✓ Chi phí thuế...



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(12) Nguyên tắc lập và trình bày BCTC khi thay đổi kỳ kế toán

- ✓ Doanh nghiệp phải lập riêng BCTC cho giai đoạn giữa 2 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và mới.
- ✓ Đối với SOFP: Số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của kỳ kế toán mới và được trình bày trong cột “Số đầu năm”.
- ✓ Đối với P/L và BCLCTT cho kỳ kế toán kể từ thời điểm cuối kỳ kế toán cũ đến thời điểm đầu kỳ kế toán mới: Số liệu trong giai đoạn này được trình bày trong cột “Kỳ này”. Cột “Kỳ trước” trình bày là số liệu tương ứng trong kỳ kế toán trước hoặc số liệu của 12 tháng trên BCTC của năm tài chính liền trước.
- ✓ Doanh nghiệp phải thuyết minh rõ lý do phải thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm và Các số liệu tương ứng để so sánh hoặc tính không thể so sánh được giữa thông tin của kỳ báo cáo và thông tin kỳ so sánh theo quy định của VAS 21 - Trình bày Báo cáo tài chính.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(13) Nguyên tắc lập và trình bày BCTC khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

- ✓ Đối với sổ kế toán phản ánh tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu và SOFP: Toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên sổ kế toán và SOFP của doanh nghiệp cũ trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ trên sổ kế toán và SOFP của doanh nghiệp mới.
- ✓ Đối với P/L và CFS: Số liệu kể từ thời điểm chuyển đổi đến cuối kỳ báo cáo đầu tiên được trình bày trong cột “Kỳ này”. Cột “Kỳ trước” trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và phải thuyết minh rõ lý do khi không so sánh được giữa thông tin của kỳ báo cáo và thông tin kỳ so sánh theo quy định của VAS 21.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(14) Lập và trình bày BCTC khi sáp nhập doanh nghiệp:

Lưu ý: Kế toán sáp nhập doanh nghiệp trong Thông tư 200 được thay đổi là kế toán hợp nhất doanh nghiệp để phù hợp với Luật doanh nghiệp

(14.1) Xác định giá trị tài sản thuần mà bên nhận sáp nhập nhận được từ bên bị sáp nhập:

- a) Nếu sáp nhập doanh nghiệp dưới sự kiểm soát chung: Bên nhận sáp nhập ghi nhận các tài sản, nợ phải trả nhận về theo NBV trên BCTC riêng của bên bị sáp nhập;
- b) Nếu sáp nhập không dưới sự kiểm soát chung: Áp dụng VAS 11, theo đó tài sản và nợ phải trả của bên bị sáp nhập được ghi nhận theo FV, phần chênh lệch giữa giá mua và FV được ghi nhận là Goodwill
- c) Trường hợp sáp nhập không thỏa mãn hoạt động kinh doanh như định nghĩa tại VAS số 11 - thì bên nhận sáp nhập ghi nhận các tài sản, nợ phải trả nhận về như giao dịch mua một nhóm tài sản (phân bổ toàn bộ số tiền bỏ ra cho toàn bộ tài sản, nợ phải trả nhận về mà không ghi nhận goodwill).



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(14.2) Xác định giá phí để thực hiện giao dịch sáp nhập doanh nghiệp (khi phát hành, sử dụng công cụ tài chính hoặc tài sản phi tiền tệ để sáp nhập)

- ✓ Trường hợp sáp nhập thỏa mãn hoạt động kinh doanh (như quy định tại VAS11) thì việc xác định giá trị của tài sản phi tiền tệ đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh và các khoản đầu tư, công cụ vốn phát hành để thực hiện sáp nhập được thực hiện như hướng dẫn của VAS 11.
- ✓ Trường hợp sáp nhập không thỏa mãn hoạt động kinh doanh như VAS 11 thì bên nhận sáp nhập sử dụng FV (nếu đang tin cậy) của tài sản và nợ phải trả nhận về tại ngày trao đổi để xác định giá phí sáp nhập. Ngược lại thì lấy FV của tài sản mang đi trao đổi. Khoản chênh lệch giữa FV cổ phiếu phát hành với mệnh giá được phản ánh vào thặng dư vốn. Khoản chênh lệch giữa FV với NBV của hàng tồn kho, TSCĐ, BĐSĐT,... hạch toán vào P/L tương tự như giao dịch trao đổi các tài sản này. Trường hợp giá được thanh toán được xác định chung cho nhiều tài sản phi tiền tệ đem trao đổi thì bằng sự hiểu biết của các bên tại ngày giao dịch, doanh nghiệp nhận sáp nhập xác định giá bán cho từng tài sản mang đi trao đổi theo một phương thức có hệ thống (như phân bổ theo giá trị ghi sổ, giá trị hợp lý của tài sản mang đi trao đổi tại ngày trao đổi,...).



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(14.3). Nguyên tắc ghi nhận khoản chênh lệch giữa giá phí thực hiện sáp nhập so với NBV hoặc FV của tài sản thuần nhận về từ bên bị sáp nhập:

- ✓ Trường hợp sáp nhập dưới sự kiểm soát chung: khoản chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào TK 4118 - Vốn khác và định kỳ kết chuyển sang TK 421 với thời gian 10 năm, theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp khác hợp lý hơn.
- ✓ Trường hợp sáp nhập thỏa mãn hoạt động kinh doanh như định nghĩa tại VAS 11 thì khoản chênh lệch giữa giá phí và FV được kế toán như LTTM hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ.
- ✓ Trường hợp sáp nhập công ty con vào công ty mẹ có phát sinh các giao dịch nội bộ thì sau khi nhận bàn giao tài sản thuần của công ty con, công ty mẹ phải thực hiện loại trừ các giao dịch nội bộ.
- ✓ Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (nếu có) liên quan đến chênh lệch tạm thời giữa giá trị tài sản thuần và cơ sở tính thuế của tài sản thuần (có thể phát sinh do có lãi/lỗ chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ) được doanh nghiệp nhận sáp nhập hạch toán theo VAS 17



(14.4) Nguyên tắc kế toán khi chia, tách, hợp nhất DN

- ✓ Nguyên tắc kế toán thợp nhất doanh nghiệp tương tự như sáp nhập.
- ✓ Trường hợp chia, tách: Doanh nghiệp mới ghi nhận giá trị tài sản thuần nhận được từ doanh nghiệp bị chia, tách theo NBV của doanh nghiệp bị chia, tách.
- ✓ Trường hợp các doanh nghiệp mới phát hành công cụ vốn để thực hiện giao dịch chia, tách, hợp nhất thì doanh nghiệp mới ưu tiên sử dụng FV của tài sản thuần tại ngày trao đổi để xác định giá trị FV của công cụ vốn, trừ trường hợp tính giá phí hợp nhất kinh doanh thì thực hiện theo VAS 11.
- ✓ Các trường hợp chia, tách, hợp nhất khác không thuộc các trường hợp nêu trên, căn cứ vào các nguyên tắc của VAS, các hướng dẫn tại Thông tư này và bản chất của giao dịch để thực hiện việc kế toán cho phù hợp. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập trong các DNNN nếu có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật đối với DNNN.



(14.4) Nguyên tắc kế toán khi chia, tách, hợp nhất DN

- ✓ Nguyên tắc kế toán thợp nhất doanh nghiệp tương tự như sáp nhập.
- ✓ Trường hợp chia, tách: Doanh nghiệp mới ghi nhận giá trị tài sản thuần nhận được từ doanh nghiệp bị chia, tách theo NBV của doanh nghiệp bị chia, tách.
- ✓ Trường hợp các doanh nghiệp mới phát hành công cụ vốn để thực hiện giao dịch chia, tách, hợp nhất thì doanh nghiệp mới ưu tiên sử dụng FV của tài sản thuần tại ngày trao đổi để xác định giá trị FV của công cụ vốn, trừ trường hợp tính giá phí hợp nhất kinh doanh thì thực hiện theo VAS 11.
- ✓ Các trường hợp chia, tách, hợp nhất khác không thuộc các trường hợp nêu trên, căn cứ vào các nguyên tắc của VAS, các hướng dẫn tại Thông tư này và bản chất của giao dịch để thực hiện việc kế toán cho phù hợp. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập trong các DNNN nếu có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật đối với DNNN.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(14.5) Việc ghi sổ kế toán và lập BCTC của các doanh nghiệp liên quan khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp

a) Phần giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu nhận về từ doanh nghiệp bị sáp nhập được doanh nghiệp nhận sáp nhập ghi nhận là số phát sinh trong kỳ trên sổ kế toán. **Dòng số dư đầu kỳ của tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên sổ kế toán của doanh nghiệp nhận sáp nhập không thay đổi.**

Phần giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu nhận về từ doanh nghiệp bị sáp nhập sẽ được doanh nghiệp nhận sáp nhập tổng hợp để trình bày vào cột “Số cuối năm” trên SOFP, Cột “Số đầu năm” không thay đổi.

b) Phần giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu nhận về từ doanh nghiệp bị hợp nhất được doanh nghiệp mới ghi nhận là số phát sinh trong kỳ trên sổ kế toán. Dòng số dư đầu kỳ của tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên sổ kế toán của doanh nghiệp mới không có số liệu.

Phần giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu nhận về từ doanh nghiệp bị hợp nhất được doanh nghiệp mới tổng hợp để trình bày vào cột “Số cuối năm” trên SOFP, Cột “Số đầu năm” không có số liệu.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

c) Phần giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên sổ kế toán của doanh nghiệp bị chia bàn giao cho doanh nghiệp mới được ghi nhận là số phát sinh trên sổ kế toán của doanh nghiệp mới. Dòng số dư đầu kỳ của tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên sổ kế toán của doanh nghiệp mới không có số liệu.

d) Phần giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp bị tách bàn giao cho doanh nghiệp mới ghi nhận là số phát sinh trên sổ kế toán của doanh nghiệp mới. Dòng số dư đầu kỳ của tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên sổ kế toán của doanh nghiệp mới không có số liệu. **Dòng số dư đầu kỳ của tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên sổ kế toán của doanh nghiệp bị tách không thay đổi.**

Phần giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của doanh nghiệp bị chia, bị tách được doanh nghiệp mới tổng hợp để trình bày vào cột “Số cuối năm” trên Báo cáo tình hình tài chính. Cột “Số đầu năm” của doanh nghiệp mới không có số liệu. Cột “Số đầu năm” của doanh nghiệp bị tách không thay đổi.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- e) Doanh nghiệp nhận sáp nhập chỉ ghi nhận và trình bày số liệu của doanh nghiệp bị sáp nhập vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp mình kể từ thời điểm sáp nhập đến cuối kỳ báo cáo vào trong cột “Năm nay”. Cột “Năm trước” của doanh nghiệp nhận sáp nhập không thay đổi.
- f) Doanh nghiệp mới chỉ trình bày số liệu kể từ thời điểm chia, tách, hợp nhất doanh nghiệp đến cuối kỳ báo cáo đầu tiên vào trong cột “Năm nay”. Cột “Năm trước” của doanh nghiệp mới không có số liệu. Doanh nghiệp bị tách không còn ghi nhận và trình bày số liệu của doanh nghiệp tách kể từ thời điểm tách doanh nghiệp đến cuối kỳ báo cáo.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(15) Nguyên tắc lập và trình bày BCTC khi doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục (**căn bản không thay đổi so với TT 200**)

- ✓ Doanh nghiệp bị coi là không hoạt động liên tục nếu dự kiến bị giải thể, phá sản, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động theo quy định trong thời hạn từ 12 tháng trở xuống kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Doanh nghiệp phải thuyết minh về tình hình hoạt động liên tục khi có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục.
- ✓ Doanh nghiệp vẫn hoạt động liên tục trong một số trường hợp sau, :
 - Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, bao gồm cả việc cổ phần hóa một doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần;
 - **Bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;**
 - Việc chuyển một doanh nghiệp (công ty con) thành một đơn vị trực thuộc (chi nhánh) hoặc ngược lại.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(16) Bổ sung phương pháp hồi tố đơn giản: Chỉ điều chỉnh số dư đầu kỳ

(17). Thay đổi một số chỉ tiêu của BCTC

(17.1) Bổ sung một số chỉ tiêu sau:

- ✓ Tài sản sinh học ngắn hạn và dài hạn;
- ✓ Phải trả cổ tức, lợi nhuận ngắn hạn;
- ✓ Lãi/lỗ thanh lý BĐSĐT
- ✓ Các chỉ tiêu khác (xem phụ lục).

(17.2) Bãi bỏ một số chỉ tiêu

- ✓ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp;
- ✓ Nguồn kinh phí;
- ✓ Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(17.3) Bổ sung một số thuyết minh quan trọng sau:

- ✓ Các loại tỷ giá áp dụng;
- ✓ Nguyên tắc kế toán tài sản sinh học;
- ✓ Cơ sở xác định giá trị hợp lý một số tài sản;
- ✓ Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết và BCC trong kỳ.
- ✓ Căn cứ trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng;
- ✓ Kết quả xử lý tài sản thiếu;
- ✓ Thuyết minh thông tin về hợp đồng BCC ;
- ✓ Thuyết minh phương pháp phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội;
- ✓ Lãi trả chậm, trả góp khi mua, bán tài sản
- ✓ Phần giá trị các tài sản mà doanh nghiệp đang nắm giữ của các bên khác nhưng bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật;
- ✓ Nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường;
- ✓ Những khoản có giá trị lớn chiếm 10% trở lên trên tổng tài sản/nợ phải trả;
- ✓ Thuyết minh về đặc điểm, nghĩa vụ căn hộ du lịch, BĐS nghỉ dưỡng;
- ✓ Thuyết minh về các sự kiện hoặc điều kiện chính làm phát sinh nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp;
- ✓ Các thuyết minh khác.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(18) Thời hạn nộp Báo cáo tài chính

- ✓ Doanh nghiệp phải nộp BCTC năm chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm (không phân biệt loại hình hoặc hình thức sở hữu).
- ✓ Công ty mẹ, tổng công ty quy định thời hạn nộp BCTC của công ty con, đơn vị trực thuộc phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu quản lý của đơn vị.
- ✓ Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật liên quan có quy định về việc nộp BCTC theo kỳ kế toán khác (quý, bán niên...) thì thời hạn nộp các Báo cáo tài chính này thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đó.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(19) Nơi nhận Báo cáo tài chính

- ✓ Việc nộp BCTC cho cơ quan có thẩm quyền phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
- ✓ Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán Báo cáo tài chính thì khi nộp Báo cáo tài chính cho các cơ quan có thẩm quyền phải đính kèm báo cáo kiểm toán theo quy định.
- ✓ Trường hợp BCTC của doanh nghiệp được lưu giữ tại Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì các cơ quan nhận BCTC của doanh nghiệp được yêu cầu cung cấp thông tin về BCTC của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

**Doanh nghiệp không được
sửa chữa sai sót bằng cách
phát hành lại báo cáo tài chính**

**Báo cáo tài chính phát hành lại không
thể thay thế cho
báo cáo tài chính đã phát hành
theo quy định của pháp luật**



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

Phần 2

Một số thay đổi trong các chỉ tiêu của BCTC



Các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính

- ✓ *Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)* gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền. **Đối với các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp bị hạn chế sử dụng thì không được trình bày tại chỉ tiêu này mà phải trình bày tại chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 165) hoặc Tài sản dài hạn khác (Mã số 274).**
- ✓ *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (Mã số 123):* gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu, **các khoản cho vay** và các loại chứng khoán nợ khác. Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ *Đầu tư ngắn hạn khác (Mã số 125):* Phản ánh các khoản đầu tư vào BCC mà doanh nghiệp không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào LNST của BCC và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK 2281 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- ✓ *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (Mã số 126):* Phản ánh dự phòng các khoản đầu tư vào BCC mà doanh nghiệp không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào LNST của BCC và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và được ghi bằng số âm.
- ✓ *Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 135):* Phản ánh các khoản phải thu khác có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán, như: **Phải thu từ hợp đồng BCC mà doanh nghiệp đồng kiểm soát**; các khoản đã chi hộ ngắn hạn; tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ; các khoản tạm ứng, ký quỹ, ký cược ngắn hạn; cho mượn tạm thời.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ *Tài sản thiếu chờ xử lý (Mã số 137)*: Phản ánh giá trị các tài sản thiếu hụt chưa rõ nguyên nhân đang chờ xử lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK1381. **Khi lập BCTC, nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy tài sản thiếu chờ xử lý có khả năng thu hồi thì phải ghi nhận vào P/L và phải thuyết minh**
- ✓ ***Tài sản sinh học ngắn hạn (Mã số 150)***: Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh giá trị hiện có của các loại tài sản sinh học (gồm súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần và cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần) có thời gian dự kiến thu hoạch từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường (sau khi trừ đi dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn).
- ✓ ***Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn (Mã số 151)***: Phản ánh tổng giá trị của súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần, có thời gian dự kiến thu hoạch trong vòng 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK2152.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ *Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn (Mã số 152):* Phản ánh tổng giá trị của cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần có thời gian dự kiến thu hoạch từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK2153.
- ✓ *Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (Mã số 153):* Phản ánh khoản dự phòng giảm giá đã trích lập cho các loại tài sản sinh học ngắn hạn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư chi tiết Có của TK2295 - Dự phòng tổn thất tài sản sinh học và được ghi bằng số âm.
- ✓ *Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước (Mã số 163):* Phản ánh thuế và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết các **TK1383 “Thuế TTĐB của hàng nhập khẩu”**, TK333.
- ✓ *Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 165):* Phản ánh giá trị tài sản ngắn hạn khác, như: Kim khí quý, đá quý (không được phân loại là hàng tồn kho), các khoản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để bán kiếm lời không được phân loại là BĐSĐT, như tranh, ảnh, vật phẩm khác có giá trị. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK 2288 **và các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp bị hạn chế sử dụng trong ngắn hạn.**



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ *Phải thu dài hạn khác (Mã số 215):* Phản ánh các khoản phải thu khác có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường, như: **Phải thu từ hợp đồng BCC đồng kiểm soát**; Phải thu về các khoản đã chi hộ, tiền lãi, cổ tức được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ; Các khoản tạm ứng, ký quỹ, ký cược, cho mượn,... Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào sổ dư Nợ chi tiết của các tài khoản: TK 1388, TK 334, TK 338, TK 141, TK 244.
- ✓ **Tài sản sinh học dài hạn (Mã số 230):** Phản ánh toàn bộ nguyên giá các loại tài sản sinh học dài hạn (bao gồm súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ, súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn) có thời gian dự kiến thu hồi trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là sổ dư Nợ chi tiết của TK215 “Tài sản sinh học”.
- ✓ **Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ dài hạn (Mã số 231):** Phản ánh giá trị súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ của doanh nghiệp có thời gian dự kiến thu hồi trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là sổ dư Nợ của TK2151.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ *Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành (Mã số 232):* Phản ánh các chi phí mua, chăm sóc súc vật cho sản phẩm định kỳ từ khi phát sinh cho đến giai đoạn trưởng thành. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK21511 “Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành”.
- ✓ *Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành (Mã số 233):* Phản ánh giá trị còn lại của súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành.
 - *Nguyên giá (Mã số 234):* Phản ánh giá gốc của tài sản sinh học là súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành.
 - *Giá trị khấu hao lũy kế (Mã số 235):* Phản ánh giá trị khấu hao lũy kế của toàn bộ súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành và được ghi bằng số âm.
- ✓ *Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn (Mã số 236):* Phản ánh toàn bộ giá trị súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần có thời gian dự kiến thu hoạch trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK2152.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ *Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn (Mã số 237):* Phản ánh toàn bộ giá trị cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần có thời gian dự kiến thu hoạch trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK2153.
- ✓ *Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (Mã số 238):* Phản ánh khoản dự phòng tổn thất cho các loại tài sản sinh học có thời gian dự kiến thu hoạch trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.
- ✓ *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 263):* Phản ánh các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể (ngoài chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết) và đầu tư vào hợp đồng BCC mà doanh nghiệp không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng và có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường. Số liệu để trình bày vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK2281.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Mã số 265):* Phản ánh giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu, **các khoản cho vay** và các loại chứng khoán nợ khác. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK128.
- ✓ *Tài sản dài hạn khác (Mã số 274):* Phản ánh giá trị tài sản dài hạn khác ngoài các tài sản dài hạn đã nêu trên và không dự định bán trong vòng 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ chi tiết TK2288 **và các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp bị hạn chế sử dụng trong dài hạn.**
- ✓ *Phải trả cổ tức, lợi nhuận (Mã số 313):* Phản ánh giá trị khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả cho nhà đầu tư là các cổ đông, thành viên góp vốn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK332 “Phải trả cổ tức, lợi nhuận”.
- ✓ *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn (Mã số 333):* Phản ánh giá trị các khoản doanh nghiệp còn phải nộp cho Nhà nước dài hạn, như chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Các chi tiêu thuộc Báo cáo kết quả kinh doanh

- ✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01):** Phản ánh tổng doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm (bao gồm cả bán thành phẩm bất động sản và hàng hóa bất động sản); **doanh thu bán tài sản sinh học (trừ tài sản sinh học là cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ)**; doanh thu cung cấp dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ cho thuê BĐSĐT và TSCĐ) và doanh thu khác trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi vào chỉ tiêu này không bao gồm doanh thu thanh lý, nhượng bán BĐSĐT (kể cả BĐSĐT nắm giữ để cho thuê và BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá để bán).**
- ✓ **Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02):** Phản ánh tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. **Chỉ tiêu này không bao gồm khoản giảm trừ của doanh thu bán BĐSĐT**; các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp không được hưởng phải nộp NSNN (được ghi giảm doanh thu trên sổ kế toán TK511) do các khoản này về bản chất là các khoản thu hộ Nhà nước, không nằm trong cơ cấu doanh thu và không được coi là khoản giảm trừ doanh thu.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

✓ **Giá vốn hàng bán (Mã số 11):** Phản ánh tổng giá vốn của sản phẩm, hàng hóa (bao gồm cả giá vốn của thành phẩm bất động sản và hàng hóa bất động sản); **giá vốn tài sản sinh học (trừ tài sản sinh học là cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ)**; chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ hoàn thành đã cung cấp (bao gồm cả dịch vụ cho thuê BĐSĐT và TSCĐ), chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo. **Giá vốn hàng bán ghi vào chỉ tiêu này không bao gồm giá trị còn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến BĐSĐT thanh lý, nhượng bán (kể cả BĐSĐT nắm giữ để cho thuê và BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá để bán).**

✓ **Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư (Mã số 21):** Phản ánh khoản chênh lệch giữa doanh thu bán, thanh lý BĐSĐT (bao gồm BĐSĐT nắm giữ để cho thuê và BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá để bán) với giá trị còn lại và chi phí bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ. Trường hợp doanh thu bán, thanh lý BĐSĐT cao hơn chi phí bán và giá trị còn lại của BĐSĐT thì chỉ tiêu này trình bày là số dương (+). Trường hợp doanh thu bán, thanh lý BĐSĐT thấp hơn chi phí bán và giá trị còn lại của BĐSĐT thì chỉ tiêu này trình bày là số âm (-). Chi phí bán, thanh lý BĐSĐT là các chi phí liên quan trực tiếp đến bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ của doanh nghiệp.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Chỉ tiêu thuộc Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính (Mã số 05): Chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số lãi, lỗ phát sinh trong kỳ đã được phản ánh vào lợi nhuận trước thuế nhưng được phân loại là luồng tiền từ hoạt động đầu tư, tài chính, bao gồm:

- + Lãi, lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT;
- + Lãi, lỗ từ việc đánh giá lại tài sản phi tiền tệ mang đi góp vốn, đầu tư vào đơn vị khác
- + **Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán của hoạt động đầu tư, tài chính**
- + Lãi, lỗ từ việc bán, thu hồi các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm lãi, lỗ mua bán chứng khoán kinh doanh), như: Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết, đầu tư khác; Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- + Lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Phần 3

Một số thay đổi

trong phương pháp kế toán



KẾ TOÁN TIỀN VÀ CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

I. Kế toán tiền

1. Phải theo dõi riêng tiền theo từng loại nguyên tệ;
2. Phải theo dõi chi tiết và xác định các khoản thỏa mãn định nghĩa tương đương tiền để trình bày BCTC phù hợp;
3. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng (không được ghi âm trên tài khoản tiền gửi không kỳ hạn);
4. Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và các cá nhân ký quỹ, ký cược tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như tiền của doanh nghiệp.
5. Phải theo dõi chi tiết các khoản tiền bị phong tỏa, bị hạn chế sử dụng. Khi lập BCTC phải trình bày các khoản này là tài sản khác phù hợp với thời gian bị hạn chế sử dụng (không được phản ánh là tiền, các khoản tương đương tiền hoặc các khoản đầu tư)



II. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái

1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp sau:
 - ✓ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến mua bán, trao đổi, thanh toán bằng ngoại tệ;
 - ✓ Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán;
 - ✓ Chuyển đổi BCTC được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.
2. Việc quy đổi ngoại tệ ra VND hoặc đơn vị tiền tệ trong kế toán phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái hướng dẫn tại Thông tư này. **Tuy nhiên, khi xác định nghĩa vụ thuế liên quan đến các giao dịch bằng ngoại tệ (kê khai, quyết toán và nộp thuế), doanh nghiệp thực hiện theo các quy định của pháp luật về thuế.**



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

3. Các loại tỷ giá

(1) Tỷ giá giao dịch thực tế: Được lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình (hoặc tỷ giá xấp xỉ chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình) của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC.

(2) Tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của doanh nghiệp.

Kế toán phải theo dõi chi tiết về số lượng nguyên tệ và giá trị đã được quy đổi ra đơn vị tiền tệ trong kế toán làm căn cứ xác định tỷ giá ghi sổ cho từng khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ngoài ra có thể phải tính riêng tỷ giá ghi sổ cho từng loại nguyên tệ, (tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn,...) hoặc từng đối tượng nợ.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

4. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Là các tài sản được thu hồi bằng ngoại tệ hoặc các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, có thể bao gồm:

- a) Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ và các khoản đầu tư tài chính khác thu hồi bằng ngoại tệ;
- b) Các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ:
 - ✓ Các khoản trả trước cho người bán và các khoản chi phí chờ phân bổ bằng ngoại tệ. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hoá, dịch vụ và doanh nghiệp sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
 - ✓ Các khoản người mua trả tiền trước và các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn về việc doanh nghiệp không thể cung cấp hàng hoá, dịch vụ và sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- c) Các khoản cho vay, cho mượn, đi vay, đi mượn dưới mọi hình thức được quyền thu hồi hoặc có nghĩa vụ hoàn trả bằng ngoại tệ.
- d) Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược được quyền nhận lại bằng ngoại tệ; Các khoản nhận ký quỹ, ký cược phải hoàn trả bằng ngoại tệ.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5. Nguyên tắc áp dụng tỷ giá cho các giao dịch bằng ngoại tệ

- (1) Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ;
- (2) Trường hợp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế cho từng trường hợp như sau:
 - ✓ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).
 - ✓ Các tài khoản phản ánh chi phí SXKD, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).
- ✓ Bên Nợ các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác; Bên Nợ các Tài khoản phải thu; Bên Nợ các Tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả trước tiền cho người bán.
- ✓ Bên Có các TK phải trả; Bên Có các Tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua;
- ✓ Các tài khoản loại vốn chủ sở hữu;
- ✓ Trường hợp doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ ra đồng tiền ghi sổ kế toán thì cũng được sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế đó để hạch toán cho cả bên Nợ và bên Có của tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

(3). Áp dụng tỷ giá ghi sổ

- ✓ Bên Có các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác;
- ✓ Bên Có các Tài khoản phải thu (ngoại trừ giao dịch nhận trước tiền của người mua);
- ✓ Bên Nợ Tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các Tài khoản ký quỹ, ký cược, chi phí chờ phân bổ;
- ✓ Bên Nợ các Tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có Tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán khi nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

6. Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ:

- ✓ CLTG phát sinh từ các giao dịch kinh tế, bao gồm cả CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết, rõ ràng về chính sách kế toán đối với tỷ giá hối đoái được áp dụng để hạch toán các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ.
- ✓ Khoản CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào BCKQKD theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (có thể ghi ngay 515, 635 rồi bù trừ, không nhất thiết phải qua 413).
- ✓ Không được vốn hóa các khoản CLTG vào giá trị tài sản dở dang.
- ✓ CLTG do chuyển đổi BCTC được hạch toán vào vốn chủ sở hữu
- ✓ DNNN nếu có quy định riêng về xử lý CLTG thì hạch toán theo quy định riêng đó.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

Chứng khoán kinh doanh

1. Phản ánh giá trị hiện có và tình hình mua, bán các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), gồm: Cổ phiếu, trái phiếu, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, thương phiếu, hối phiếu, các khoản nợ/cho vay,...) được doanh nghiệp mua bán lại để kiếm lời.
- ✓ Chứng khoán kinh doanh không phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, như: Các khoản cho vay theo kế ước giữa 2 bên, tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu,...
 - ✓ Trong quá trình nắm giữ, không được tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo FV của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. **Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Cuối kỳ nếu giảm giá thì phải lập dự phòng**

3. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- ✓ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- ✓ Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. Phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh.

- ✓ Cổ tức được chia bằng tiền được ghi nhận vào doanh thu tài chính cho giai đoạn sau ngày đầu tư. Khoản cổ tức hoặc các khoản lãi thu bằng tiền cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.
- ✓ Cổ tức bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận doanh thu tài chính và không ghi nhận tăng chứng khoán kinh doanh.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

1. Gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, **các khoản cho vay** nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.
2. Phải hạch toán đầy đủ, kịp thời doanh tài chính phát sinh từ các khoản đầu tư, ví dụ như lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay, lãi trái phiếu,... khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn,...
3. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản HTM là các khoản mục tiền tệ có góc ngoại tệ thì phải đánh giá lại theo tỷ giá cuối kỳ; bị tổn thất thì phải lập dự phòng.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

4. Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) có chiết khấu hoặc phụ trội thì phải phân bổ dần vào doanh thu tài chính theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực phù hợp với kỳ hạn của khoản đầu tư. Tuy nhiên, nếu phần phụ trội của HTM phân bổ hàng kỳ lớn hơn phần lãi theo lãi suất danh nghĩa hàng kỳ thì phần chênh lệch này được hạch toán vào chi phí tài chính.

- ✓ Trường hợp HTM có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày mua tới ngày chốt lãi suất tiếp theo.
- ✓ Trường hợp HTM có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường đồng thời chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ mà việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của công cụ.
- ✓ Lưu ý ghi nhận thuế hoãn lại khi áp dụng phương pháp lãi suất thực



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5. Đối với trường hợp nhận lãi trước hoặc sau:

Định kỳ phản ánh số lãi của kỳ: Nợ TK 128/Có TK 515.

- ✓ Điều ghi doanh thu và ghi tăng giá gốc HTM
- ✓ Trường hợp nhận lãi trước bản chất giống chiết khấu (không phản ánh số lãi nhận trước qua TK 3387);

6. Các doanh nghiệp là nhà đầu tư mua trái phiếu có phát sinh các khoản chiết khấu hoặc phụ trội trái phiếu, nếu đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà trái phiếu chưa đến thời hạn thanh toán thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng phương pháp điều chỉnh hồi tố hoặc điều chỉnh hồi tố đơn giản theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này để kế toán các khoản chiết khấu, phụ trội phát sinh khi mua trái phiếu đối với Báo cáo tài chính kỳ đầu tiên áp dụng Thông tư này.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Ví dụ minh họa xác định giá phí phân bổ (*Phương pháp lãi suất thực*)

**Giá
phí
phân
bổ**

=

Giá trị ghi nhận ban đầu + chi phí giao dịch

—

Các khoản phải hoàn trả trong tương lai

+

Khoản phân bổ phụ trội
theo phương pháp lãi suất hiệu dụng

—

Khoản phân bổ chiết khấu theo
phương pháp lãi suất hiệu dụng
và Khoản tổn thất (nếu có);

+

Chi phí giao dịch khi thanh lý tài sản hoặc
thanh toán nợ phải trả



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Ví dụ minh họa xác định giá phí phân bổ (Phương pháp lãi suất thực)

Ví dụ về xác định giá phí phân bổ chiết khấu

Mua công cụ nợ thời hạn năm giữ 5 năm, giá phí 1.000.000, mệnh giá 1.250.000 (chiết khấu 250.000), lãi suất danh nghĩa 4,7% thanh toán hàng năm, lãi suất hiệu dụng 9,97%/năm

Dòng tiền

t_0 1.000k; $t_1+58,75k$; $t_2+58,75k$; $t_3+58,75$; $t_4+58,75$; t_5 1250
+ 58,75
1.308,75

$$1.000 = \frac{58,75}{(1+0,097)} + \frac{58,75}{(1+0,097)^2} + \frac{58,75}{(1+0,097)^3} + \frac{58,75}{(1+0,097)^4} + \frac{1.308,75}{(1+0,097)^5}$$



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Ví dụ minh họa xác định giá phí phân bổ
(Phương pháp lãi suất thực)

	Giá mua	Lãi trả hàng năm	Lãi theo lãi suất hiệu dụng	Giá phí phân bổ
Kỳ	A	B	$C = A \times 9,97\%$	$D = A - B + C$
1	1000	58,75	99,72	1040,97
2	1040,97	58,75	103,81	1086,03
3	1086,03	58,75	108,30	1135,58
4	1135,58	58,75	113,24	1190,07
5	1190,07	1308,75 Gốc và lãi)	118,68	



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5. Phương pháp Kế toán HTM có chiết khấu

a) Khi mua: Nợ TK 128/Có các TK 111, 112.

- ✓ Trường hợp nhận lãi trước thì số tiền thực chi mua khoản đầu tư = mệnh giá - số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ - số chiết khấu.
- ✓ Trường hợp nhận lãi định kỳ hoặc nhận lãi sau thì số tiền thực chi mua khoản đầu tư = mệnh giá - số chiết khấu.

b) Ghi nhận số tiền lãi của từng kỳ và số chiết khấu của khoản đầu tư phân bổ cho từng kỳ vào doanh thu hoạt động tài chính của từng kỳ:

- Trường hợp nhận lãi trước hoặc nhận lãi sau (kể cả kỳ đáo hạn):
Nợ TK 128 (số tiền lãi và số chiết khấu phân bổ cho từng kỳ)/Có TK 515.
- Đối với trường hợp nhận lãi định kỳ:
 - + Phân bổ số chiết khấu của khoản đầu tư (kể cả kỳ đáo hạn):
Nợ TK 128 (số chiết khấu của khoản đầu tư phân bổ cho từng kỳ)/Có TK 515.
 - + Phản ánh số tiền lãi nhận được của từng kỳ (trừ kỳ đáo hạn):
Nợ các TK 111, 112,... (số tiền lãi nhận được của từng kỳ)/Có TK 515.

c) Cuối thời hạn của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- Trường hợp nhận lãi trước hoặc nhận lãi sau: Nợ số tiền thực thu/Có TK128.
- Trường hợp nhận lãi định kỳ: Nợ số tiền thực thu/Có TK128, 515 (lãi kỳ đáo hạn)



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

6. Kế toán khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có phụ trội

a) Khi mua: Nợ TK 128/Có số tiền thực chi.

- ✓ Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi trước thì số tiền thực chi mua khoản đầu tư = mệnh giá - số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ + số phụ trội.
- ✓ Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi định kỳ hoặc nhận lãi sau thì số tiền thực chi mua khoản đầu tư = mệnh giá + số phụ trội.

b) Ghi nhận khoản chênh lệch giữa số tiền lãi từng kỳ với số phụ trội của khoản đầu tư phân bổ cho từng kỳ vào doanh thu hoạt động tài chính của từng kỳ:

- ✓ Trường hợp nhận lãi trước hoặc nhận lãi sau (kể cả kỳ đáo hạn):
Nợ TK 128 (số tiền lãi từng kỳ trừ (-) số phụ trội phân bổ cho từng kỳ)/Có TK 515.
- ✓ Trường hợp nhận lãi định kỳ:
 - + Phân bổ số phụ trội (kể cả kỳ đáo hạn): Nợ TK 515/Có TK 128.
 - + Tiền lãi của từng kỳ (trừ kỳ đáo hạn): Nợ số tiền lãi nhận được của từng kỳ)/Có TK 515.

c) Cuối thời hạn của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- ✓ Trường hợp nhận lãi trước hoặc nhận lãi sau: Nợ số tiền thực thu/Có TK 128.
- ✓ Trường hợp nhận lãi định kỳ: Nợ Số tiền thực thu/Có TK 128, 515



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

7. Kế toán phân bổ chiết khấu, phụ trội theo phương pháp lãi suất thực

a) Khi mua khoản đầu tư: Nợ TK 128/Có các TK 111, 112

- ✓ Trường hợp nhận lãi trước thì số tiền thực chi mua khoản đầu tư = mệnh giá trừ (-) số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ cộng (+) số phụ trội hoặc trừ (-) số chiết khấu.
- ✓ Trường hợp nhận lãi định kỳ hoặc nhận lãi sau thì số tiền thực chi mua khoản đầu tư = mệnh giá cộng (+) số phụ trội hoặc trừ (-) số chiết khấu.

b) Sau ghi nhận ban đầu, căn cứ vào lãi suất danh nghĩa, số chiết khấu hoặc phụ trội, chi phí mua khoản đầu tư để xác định lãi suất thực của khoản đầu tư làm cơ sở cho việc tính và phân bổ số tiền lãi từng kỳ (kể cả kỳ đáo hạn).

- Trường hợp nhận lãi trước hoặc nhận lãi sau: Nợ TK 128/Có TK 515 (tiền lãi từng kỳ theo lãi suất thực).

- Trường hợp nhận lãi định kỳ, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (số lãi từng kỳ được nhận theo lãi suất danh nghĩa)

Nợ TK 128 (Chênh lệch giữa lãi suất danh nghĩa < lãi suất thực)

Có TK 128 - (Chênh lệch giữa lãi suất danh nghĩa > lớn hơn lãi suất thực).

Có TK 515 (số tiền lãi từng kỳ theo lãi suất thực)

c) Cuối thời hạn của khoản đầu tư: Nợ số tiền thực thu/Có TK 128.

- ✓ Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi trước thì số tiền thực thu = mệnh giá.
- ✓ Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi định kỳ thì số tiền thực thu = mệnh giá + số tiền lãi của kỳ đáo hạn theo lãi suất danh nghĩa.
- ✓ Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi sau thì số tiền thực thu = mệnh giá + tổng số tiền lãi của khoản đầu tư theo lãi suất danh nghĩa.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

1. Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài. Việc phân loại các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết... phải dựa vào quyền biểu quyết và các đặc điểm định tính, không dựa vào tỷ lệ vốn góp hay tỷ lệ lợi ích của nhà đầu tư trong các doanh nghiệp đó.
2. Cần phân biệt đặc điểm các hình thức đầu tư để kế toán một cách phù hợp
 - a) Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn): Theo hình thức này, tài sản của bên góp vốn được ghi nhận vào Báo cáo tình hình tài chính của bên nhận vốn góp;
 - b) Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu khác): Theo hình thức này, tài sản của bên mua (bên đầu tư, bên nhận chuyển nhượng vốn góp) được chuyển cho bên bán (bên chuyển nhượng vốn góp) mà không được ghi nhận vào Báo cáo tình hình tài chính của bên được đầu tư.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

3. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua (là giá trị hợp lý của các khoản thanh toán) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có), như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Riêng trường hợp doanh nghiệp vay vốn để đầu tư vào đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.
4. Khi thực hiện đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, nhà đầu tư phải căn cứ vào hình thức đầu tư để áp dụng phương pháp kế toán một cách phù hợp:
 - a) Nếu đầu tư dưới hình thức góp vốn bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị tài sản phi tiền tệ mang đi góp vốn phải được xác định một cách đáng tin cậy. Phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị đánh giá lại với giá trị ghi sổ hoặc giá trị còn lại của tài sản phi tiền tệ mang đi góp vốn được hạch toán vào thu nhập khác hoặc chi phí khác của bên đem tài sản đi góp vốn;



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

b) Nếu đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp của đơn vị khác và thanh toán cho bên chuyển nhượng vốn bằng tài sản phi tiền tệ:

- ✓ Nếu tài sản phi tiền tệ dùng để thanh toán là hàng tồn kho, nhà đầu tư phải kế toán như giao dịch bán hàng tồn kho dưới hình thức hàng đổi hàng (ghi nhận doanh thu, giá vốn của hàng tồn kho mang đi trao đổi lấy phần vốn được mua);
- ✓ Nếu tài sản phi tiền tệ dùng để thanh toán là TSCĐ, BĐSĐT, nhà đầu tư phải kế toán như giao dịch thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT (ghi nhận doanh thu, thu nhập khác, chi phí khác...);
- ✓ Nếu tài sản dùng để thanh toán là các công cụ vốn (cổ phiếu) hoặc công cụ nợ (trái phiếu, các khoản phải thu...), nhà đầu tư phải kế toán như giao dịch thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư tài chính (ghi nhận lãi, lỗ vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính).



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

4. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào đơn vị khác là thời điểm doanh nghiệp chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
 - ✓ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
 - ✓ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
5. Phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia vào Báo cáo tài chính riêng của nhà đầu tư tại thời điểm được quyền nhận cổ tức, lợi nhuận.
 - ✓ Đối với đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thì thời điểm nhà đầu tư được quyền nhận cổ tức là ngày đăng ký cuối cùng.
 - ✓ Đối với các đơn vị còn lại thì thời điểm nhà đầu tư được quyền nhận cổ tức, lợi nhuận được xác định theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

6. Kế toán cổ tức, lợi nhuận phải trả/được chia :

6.1. Đối với cổ tức phải trả:

- a. Về thời điểm ghi nhận: Là thời điểm không có quyền từ chối chi trả cổ tức, lợi nhuận:
 - ✓ Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
 - ✓ Đối với các doanh nghiệp còn lại thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp.
- b. Về nguyên tắc hạch toán
 - ✓ Cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền hoặc bằng tài sản phi tiền tệ thì ghi giảm LNSTCPP và ghi tăng khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận.
 - ✓ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc các trường hợp tương tự thì ghi giảm LNSTCPP hoặc các nguồn thuộc VCSH và ghi tăng vốn khác khi phát hành cổ phiếu, phân phối lợi nhuận. Khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì ghi giảm vốn khác và ghi tăng vốn góp của chủ sở hữu.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

6.2. Đối với cổ tức phải thu:

- a) Cổ tức, lợi nhuận bằng tiền: Thời điểm ghi nhận khoản phải thu về cổ tức bằng tiền là **ngày đăng ký cuối cùng trên thị trường chứng khoán** hoặc tại ngày được quyền nhận cổ tức, lợi nhuận (nếu không giao dịch trên thị trường chứng khoán):
- ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho giai đoạn sau ngày đầu tư được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính;
 - ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư không được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính mà hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu hoặc các trường hợp tương tự: Nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu trên thuyết minh BCTC, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với nhà đầu tư là DNNN, việc kế toán các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng cổ phiếu nếu có quy định khác với nguyên tắc trên thì thực hiện theo quy định của pháp luật đối với DNNN.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

7. Giá vốn các khoản đầu tư tài chính khi thanh lý, nhượng bán được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn góp vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được, doanh nghiệp ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Phần chênh lệch giữa FV của tài sản thu hồi được so với NBV của khoản đầu tư được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.
8. Không được phân loại lại khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết thành chứng khoán kinh doanh trừ khi đã thực sự thanh lý, nhượng bán khoản đầu tư, dẫn đến mất quyền kiểm soát đối với công ty con, mất quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên doanh và không còn ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết.
9. Trường hợp quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể là tạm thời phải được xác định tại thời điểm ghi nhận ban đầu khoản đầu tư. Trong trường hợp này, doanh nghiệp ghi nhận khoản đầu tư là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác hoặc chứng khoán kinh doanh, không ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Đầu tư vào công ty con

1. Cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

- a. Công ty con là công ty do nhà đầu tư nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối chính sách tài chính, chính sách hoạt động.
- b. Việc công ty mẹ có ý định thanh lý công ty con trong tương lai không được coi là công ty mẹ có quyền kiểm soát tạm thời đối với công ty con.
- c. Trường hợp nhà đầu tư tạm thời nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết tại đơn vị nhưng không dự định thực thi quyền biểu quyết do mục đích đầu tư là mua - bán công cụ vốn để kiếm lời (quyền kiểm soát chỉ là tạm thời) thì không hạch toán khoản đầu tư vào tài khoản này mà hạch toán là chứng khoán kinh doanh.
- d. Khi nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác sau đây thì khoản đầu tư vẫn được hạch toán là Đầu tư vào công ty con:
 - ✓ Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho nhà đầu tư hơn 50% quyền biểu quyết;
 - ✓ Nhà đầu tư có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
 - ✓ Nhà đầu tư có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
 - ✓ Nhà đầu tư có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Nhà đầu tư có thể không có quyền chi phối hoặc kiểm soát ngay cả khi nhà đầu tư nắm giữ phần lớn quyền biểu quyết đối với bên được đầu tư đó nếu các quyền biểu quyết đó không có ý nghĩa thực chất.

Ví dụ, một nhà đầu tư nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết tại một bên được đầu tư có thể không còn quyền chi phối hoặc kiểm soát đối với bên được đầu tư đó nếu các hoạt động liên quan của bên được đầu tư đó chịu sự điều hành, giám sát của Chính phủ, tòa án, cơ quan quản lý, quản tài viên hoặc các bên khác (ví dụ sau khi cơ quan có thẩm quyền có quyết định mở thủ tục phá sản đối với bên được đầu tư đó,...). Trong các trường hợp này, doanh nghiệp phải căn cứ vào tình hình thực tế để xem xét, đánh giá về việc nhà đầu tư thực chất có còn quyền chi phối hoặc kiểm soát đối với bên được đầu tư nữa hay không.

3. Trường hợp mua khoản đầu tư vào công ty con trong giao dịch hợp nhất kinh doanh, bên mua phải xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện các thủ tục ghi sổ kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

4. Công ty con sáp nhập vào công ty mẹ: Theo NBV chứ không theo FV



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Đầu tư khác

1. Các khoản đầu tư khác gồm:

- ✓ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư;
- ✓ Đầu tư vào BCC mà bên góp vốn không đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng BCC.
- ✓ Các khoản kim loại quý, đá quý không sử dụng như nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc mua vào - bán ra như hàng hóa; Tranh, ảnh, tài liệu, vật phẩm có giá trị không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy các khoản đầu tư này bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp được ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận tổn thất vào chi phí tài chính.
- ✓ Các khoản đầu tư khác.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

1. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát hoặc không được đồng kiểm soát bởi các bên tham gia hợp đồng.
2. Hợp đồng BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia LNST theo kết quả của hoạt động BCC hoặc chia lợi ích cố định không phụ thuộc vào kết quả hoạt động của BCC.
3. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả (TK338), không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.
4. Doanh nghiệp cần căn cứ vào điều khoản, bản chất của hợp đồng BCC để xác định doanh nghiệp có quyền đồng kiểm soát hay không đồng kiểm soát đối với hợp đồng BCC để thực hiện hạch toán kế toán cho phù hợp.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5. Kế toán đối với bên có quyền đồng kiểm soát BCC

5.1. Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

- a) Các bên tham gia BCC được ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng là tài sản trên Báo cáo tài chính của đơn vị mình.
- a) Các bên tham gia BCC phải mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong BCTC của mình những nội dung sau đây:
 - ✓ Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, phân loại theo tính chất của tài sản;
 - ✓ Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn vào BCC;
 - ✓ Phần nợ phải trả phát sinh chung mà các bên tham gia BCC phải gánh chịu từ hoạt động của BCC;
 - ✓ Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ BCC;
 - ✓ Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn vào BCC.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- c) Mỗi bên tham gia BCC được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- d. Đối với TSCĐ, BĐSĐT khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và vốn góp của chủ sở hữu; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản, bên quản lý, sử dụng tài sản.
- e. Đối với TSCĐ, BĐSĐT mang đi góp vốn có chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5.2. Đối với BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

- a) Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động hợp tác kinh doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên tham gia BCC có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của BCC được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.
- b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên tham gia BCC bỏ ra thì bên đó phải gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.
- c) Các bên tham gia BCC phải mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:
 - ✓ Tài sản góp vốn vào hợp đồng BCC và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn vào BCC;
 - ✓ Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
 - ✓ Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của BCC;
 - ✓ Chi phí phải gánh chịu.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- d) Khi bên tham gia BCC có phát sinh chi phí chung phải mở sổ kế toán để ghi chép, tập hợp toàn bộ các chi phí chung đó. Định kỳ căn cứ vào các thỏa thuận trong BCC về việc phân bổ các chi phí chung, bên kế toán cho BCC lập Bảng phân bổ chi phí chung, được các bên tham gia BCC xác nhận, giao cho mỗi bên giữ một bản (bản chính). Bảng phân bổ chi phí chung kèm theo các chứng từ gốc hợp pháp là căn cứ để mỗi bên tham gia BCC kế toán chi phí chung được phân bổ từ hợp đồng.
- đ) Trường hợp hợp đồng BCC quy định chia sản phẩm, định kỳ theo thỏa thuận trong hợp đồng, bên kế toán cho BCC phải lập Bảng phân chia sản phẩm cho các bên góp vốn và được các bên xác nhận số lượng, quy cách sản phẩm được chia từ hợp đồng, giao cho các bên. Khi thực giao sản phẩm, bên kế toán cho BCC phải lập Phiếu giao nhận sản phẩm để làm căn cứ cho các bên tham gia BCC ghi sổ kế toán, theo dõi và là căn cứ thanh lý hợp đồng.
- e) Trường hợp BCC phát sinh các chi phí, doanh thu chung mà các bên tham gia hợp đồng BCC phải gánh chịu hoặc được hưởng thì các bên tham gia BCC căn cứ vào Bảng phân bổ doanh thu, chi phí chung do bên kế toán cho hợp đồng BCC thông báo để ghi nhận vào doanh thu, chi phí của đơn vị.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5.3. Đối với BCC dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế

- a) Hợp đồng BCC trong trường hợp này quy định các bên tham gia chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ nếu kết quả hoạt động của BCC bị lỗ. Các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và phát hành hóa đơn, khai thuế theo quy định của hợp đồng và pháp luật thuế.
- b) Bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh của BCC vào sổ kế toán các tài khoản liên quan để làm căn cứ đối chiếu, xác định doanh thu, chi phí tính thuế của BCC. Tuy nhiên, chỉ những khoản doanh thu, chi phí tương ứng với phần doanh nghiệp được hưởng hoặc gánh chịu mới được ghi nhận và trình bày vào các chỉ tiêu doanh thu, chi phí liên quan trên Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- c) Các bên tham gia hợp đồng BCC thực hiện quy định về kế toán tương tự như trường hợp hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

6. Đối với bên không có quyền đồng kiểm soát BCC

- a) Doanh nghiệp cần căn cứ vào nội dung các điều khoản, bản chất của hợp đồng BCC để xác định doanh nghiệp không có quyền đồng kiểm soát BCC thì được hưởng lợi ích phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC hay được hưởng lợi ích cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC để từ đó thực hiện hạch toán kế toán cho phù hợp.
- b) Trường hợp hợp đồng BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng lợi ích phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC thì các khoản vốn góp vào hợp đồng BCC và các khoản lợi ích mà nhà đầu tư nhận được từ hợp đồng BCC được thực hiện theo hướng dẫn tại Tài khoản 2281 - Đầu tư vào đơn vị khác.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

c) Trường hợp hợp đồng BCC quy định các bên tham gia được hưởng lợi ích cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC thì tùy theo bản chất của hợp đồng để kế toán như sau:

c1. Đối với bên kế toán cho BCC:

- ✓ Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên P/L của mình; Lãi trên cổ phiếu và các chỉ tiêu phân tích tài chính được tính đối với toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của BCC;
- ✓ Ghi nhận toàn bộ Lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên SOFP, các chỉ tiêu tài chính liên quan đến tỷ suất lợi nhuận sau thuế được xác định bao gồm toàn bộ kết quả của BCC.

c2. Đối với các bên tham gia BCC ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoặc lãi cho vay vốn đối với khoản được chia từ BCC. Trong đó:

- ✓ Nếu bản chất là thuê tài sản (doanh nghiệp góp vào BCC bằng tài sản phi tiền tệ) thì doanh nghiệp kế toán như giao dịch cho thuê tài sản
- ✓ Nếu bản chất là giao dịch cho vay (doanh nghiệp góp vào BCC bằng tiền) thì doanh nghiệp kế toán như giao dịch cho vay.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

1. Phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu theo từng kỳ hạn, đối tượng, nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý. **Khoản cho vay không phân loại là phải thu mà phân loại là HTM**
2. Việc phân loại các khoản nợ phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:
 - a) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;
 - b) Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau;
 - c) Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán: khoản phải thu về cổ tức và lợi nhuận, các khoản đã chi hộ, các khoản cho mượn tài sản phi tiền tệ, tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý,...
3. Kế toán các khoản phải thu bằng ngoại tệ: Xem phần kế toán chênh lệch tỷ giá
4. Khi lập BCTC phải trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định. Khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy không hoặc khó có khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu thì phải trích lập dự phòng.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5. Khi phát hiện thiếu tài sản phải truy tìm nguyên nhân. Chỉ hạch toán vào TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý đối với các tài sản chưa xác định được nguyên nhân về thiếu, mất mát, hư hỏng phải chờ xử lý. Trường hợp tài sản thiếu đã xác định được nguyên nhân và đã có biên bản xử lý ngay trong kỳ thì ghi vào các tài khoản liên quan, không hạch toán qua TK 1381.

Khi lập BCTC, nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy tài sản thiếu chờ xử lý có khả năng thu hồi thì doanh nghiệp phải ghi nhận giá trị tài sản thiếu đó vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ và phải thuyết minh trên BCTC

6. Tài khoản 1383 - Thuế TTĐB của hàng nhập khẩu: Phản ánh số thuế TTĐB của hàng nhập khẩu (ví dụ xăng nhập khẩu,...) được khấu trừ, trừ trường hợp thuế TTĐB của hàng tạm nhập - tái xuất đã nộp, được khấu trừ hoặc hoàn theo quy định của pháp luật thuế.

Các nội dung khác đối với các khoản phải thu căn bản không khác biệt so với TT200



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Không phân biệt kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ

Hàng tồn kho: Là những tài sản:

(a) Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường;

(b) Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang;

(c) Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

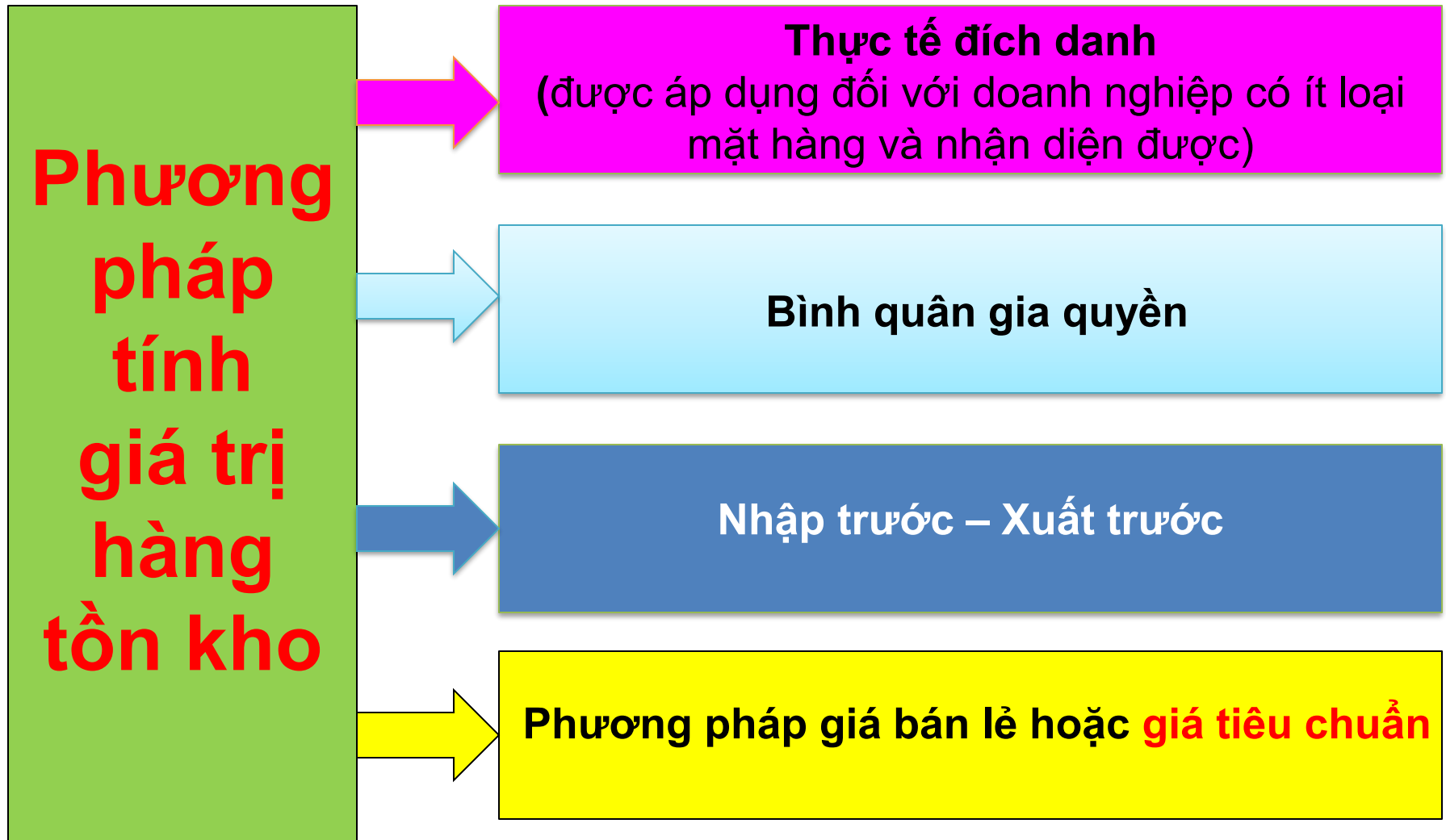
GỒM

- ✓ Nguyên liệu, vật liệu;
- ✓ Công cụ, dụng cụ;
- ✓ Chi phí sản phẩm, dịch vụ dở dang
- ✓ Thành phẩm, Hàng hóa

Kể cả các loại đang đi trên đường, đang gửi đi bán, gửi đi gia công chế biến



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO





THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Ví dụ về phương pháp giá bán lẻ

Ngày 1/1/20X5, công ty A có dữ liệu về hàng tồn kho như sau (đơn vị tính: triệu đồng):

	Giá gốc	Giá bán lẻ
Dư đầu kỳ	6.000.000	8.000.000
Mua trong kỳ	<u>19.500.000</u>	<u>34.000.000</u>
	25.500.000	42.000.000
Hàng tồn cuối kỳ tính theo giá bán lẻ		20.000.000

Hàng tồn cuối kỳ và trị giá hàng bán trong kỳ được xác định như sau:

Tỷ lệ giá gốc/giá bán lẻ: $25.500.000 / 42.000.000 = 61\%$

Hàng tồn cuối kỳ tính theo giá gốc: $20.000.000 \times 61\% = 12.200.000$

Giá trị hàng bán trong kỳ: $25.500.000 - 12.200.000 = 13.300.000$



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Câu hỏi: Những trường hợp sau có phải trích lập dự phòng không?

- a) Loại tồn kho A bị giảm giá nhưng có 1 lượng hàng đã được ký hợp đồng chắc chắn sẽ tiêu thụ với mức giá cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được;
- b) Loại hàng B có 1 số sản phẩm bị hư hỏng nên có khả năng giảm giá nhưng tổng giá trị thuần có thể thực hiện được của loại hàng đó vẫn cao hơn giá gốc;
- c) NVL bị giảm giá không dùng cho SXKD mà dùng cho XD CB

Trả lời: Cả 3 trường hợp trên đều không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho



GHI NHẬN CHI PHÍ (giá vốn hàng bán)

1. Khi bán hàng tồn kho, giá gốc của hàng tồn kho đã bán được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phù hợp với doanh thu liên quan đến chúng được ghi nhận.
2. Tất cả các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, các khoản hao hụt, mất mát, chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí SXC không được tính vào giá thành, thuế GTGT không được khấu trừ của hàng tồn kho... phải được ghi nhận là chi phí SXKD trong kỳ.
3. Trường hợp một số loại hàng tồn kho được sử dụng để sản xuất ra TSCĐ thì giá gốc hàng tồn kho này được hạch toán vào giá trị TSCĐ theo giá thành sản xuất.
4. Ghi nhận dự phòng rủi ro lớn khi

Lưu ý: Giá vốn hàng bán không chỉ bao gồm giá gốc của hàng tồn kho được xác định là đã tiêu thụ trong kỳ



LƯU Ý MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Đối với vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng và sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không được trình bày là hàng tồn kho mà trình bày là tài sản dài hạn.
2. Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của doanh nghiệp thì không được phản ánh là hàng tồn kho.
3. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì phải xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý (Giá trị sản phẩm, hàng mua được xác định bằng tổng giá trị của hàng được mua trừ đi giá trị sản phẩm, thiết bị, phụ tùng thay thế) **hoặc phân bổ hoặc không ghi giá trị (nếu phụ tùng thay thế chuyên dùng, không thể bán độc lập, chỉ có thể sử dụng đi kèm với TSCĐ chính để dự phòng TSCĐ chính bị hỏng đột ngột, có nghĩa là loại thiết bị, phụ tùng thay thế này sẽ không còn giá trị sử dụng khi TSCĐ chính được thanh lý, nhượng bán hoặc khấu hao hết)**



Câu hỏi: Thành phẩm đã nhập kho, sau đó vận chuyển đến các cửa hàng ở địa phương khác. Chi phí vận chuyển và bảo quản trong giai đoạn này được kế toán như thế nào?

Trả lời: Theo quy định của VAS 02, những chi phí vận chuyển, bảo quản khi mua hàng tồn kho và chi phí bảo quản, vận chuyển cần thiết cho khâu sản xuất tiếp theo (lúc đó hàng tồn kho chưa hoàn thành và sẵn sàng để bán) được tính vào giá gốc hàng tồn kho. Khi hàng đã hoàn thành và sẵn sàng để bán thì không được tính vào giá gốc mà tính ngay là chi phí bán hàng cho dù hàng có tiêu thụ được ngay hay không



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Kế toán chi phí đầu tư XD CB

1. Nguyên tắc kế toán

- (1) TK 241 chỉ dùng ở đơn vị không thành lập BQLDA, được chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình và ở mỗi hạng mục công trình phải hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí đầu tư XD CB và được theo dõi lũy kế kể từ khi khởi công đến khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Các đơn vị có thành lập BQLDA và tổ chức bộ máy kế toán riêng thì thực hiện theo quy định của Thông tư số 195/2012/TT-BTC Chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư.
- (2) Chi phí thực hiện các dự án đầu tư XD CB là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình, được xác định trên cơ sở khối lượng công việc, hệ thống định mức, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và các chế độ chính sách của Nhà nước, và được thực hiện theo quy chế về quản lý đầu tư XD CB.



3. Chỉ những chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư XDCB (là những chi phí cần thiết và không thể tránh được,) và quá trình đầu tư xây dựng tài sản dở dang không bị gián đoạn một cách bất thường do chậm triển khai hoặc chậm tiến độ,... thì mới được vốn hóa vào giá trị của TSCĐ, BĐSĐT.
- 4) Khi đầu tư XDCB các chi phí xây lắp, chi phí thiết bị thường tính trực tiếp cho từng công trình; Nếu chi phí QLDA và chi phí khác có liên quan đến nhiều công trình mà không tính trực tiếp được cho từng công trình thì đơn vị được quyền phân bổ theo những tiêu thức phù hợp nhất với từng công trình.
- 5) Việc vốn hóa lãi vay vào giá trị công trình chỉ áp dụng khi công trình chưa hoàn thành và sẵn sàng sử dụng và thực hiện theo quy định của VAS 16.
- 6) Số thu từ việc bán sản phẩm sản xuất ra trong quá trình chạy thử được ghi giảm chi phí đầu tư XDCB



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ XDCB

Câu hỏi: Vì sao khi bán sản phẩm sản xuất thử tạo ra trong quá trình chạy thử TSCĐ vẫn phải xuất hóa đơn và tính thuế GTGT nhưng không được ghi nhận doanh thu kế toán?

Trả lời: Do nguyên giá TSCĐ bao gồm cả chi phí chạy thử nên số thu từ việc bán sản phẩm sản xuất thử phải được bù trừ với chi phí chạy thử theo nguyên tắc phù hợp. Đây là một trong các trường hợp khác biệt giữa thuế và kế toán.



- 7) Nếu ứng trước cho nhà thầu bằng ngoại tệ thì chi phí đầu tư được tính theo tỷ giá tại thời điểm ứng trước, không tính theo tỷ giá tại thời điểm nghiệm thu khối lượng.
8. Khoản tiền phạt nhà thầu thu được nếu bản chất làm giảm số phải thanh toán cho nhà thầu thì ghi giảm chi phí đầu tư XDCB.
- 9) Không vốn hóa CLTG vào giá trị công trình trong mọi trường hợp.
- 10) Trường hợp dự án đã hoàn thành nhưng quyết toán chưa được duyệt thì doanh nghiệp ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (giá tạm tính phải căn cứ vào chi phí thực tế đã phát sinh, **chi phí ước tính chắc chắn sẽ phải bỏ ra** để có được TSCĐ) để trích khấu hao TSCĐ, nhưng sau đó phải điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.
- 11) Trường hợp dự án đầu tư bị hủy bỏ, phải tiến hành thanh lý và thu hồi các chi phí đã phát sinh của dự án. Phần chênh lệch giữa chi phí đầu tư thực tế phát sinh và số thu từ việc thanh lý được ghi nhận vào chi phí khác hoặc xác định trách nhiệm bồi thường của tổ chức, cá nhân.



12. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên cho TSCĐ hoạt động bình thường được hạch toán trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ của bộ phận sử dụng TSCĐ. Đối với các TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng (nếu có nghĩa vụ) hoặc tính chi phí sửa chữa, bảo dưỡng phát sinh vào chi phí chờ phân bổ.
13. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến nâng cấp, cải tạo làm tăng năng lực hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ thì được hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ.
14. Trường hợp BĐS xây dựng sử dụng cho nhiều mục đích (làm văn phòng, cho thuê hoặc để bán, ví dụ như tòa nhà hỗn hợp) thì vẫn tập hợp chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc đầu tư xây dựng trên TK241. Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ cách thức sử dụng tài sản trong thực tế để kết chuyển chi phí đầu tư xây dựng phù hợp với bản chất của từng loại tài sản.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

CHUẨN MỰC KẾ TOÁN SỐ 03 VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH





BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Phân loại

Phân loại theo
nhóm tài sản có
cùng tính chất
và mục đích sử
dụng trong hoạt
động sản xuất,
kinh doanh của
doanh nghiệp

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc, thiết bị

Phương tiện vận tải,
thiết bị truyền dẫn

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Một số loại cây trồng vật nuôi

TSCĐ hữu hình khác



- ✓ Doanh nghiệp phải xác định mức độ chắc chắn của việc thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, dựa trên các bằng chứng hiện có tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- ✓ Những tài sản sử dụng cho mục đích đảm bảo an toàn SXKD hoặc bảo vệ môi trường chỉ được ghi nhận là TSCĐ hữu hình nếu nguyên giá của chúng và các tài sản có liên quan không vượt quá tổng giá trị có thể thu hồi từ các tài sản đó và các tài sản khác có liên quan. Ví dụ, một nhà máy hóa chất có thể phải lắp đặt các thiết bị và thực hiện quy trình chứa và bảo quản hóa chất mới để tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc sản xuất và lưu trữ hóa chất độc. Các tài sản lắp đặt liên quan đi kèm chỉ được hạch toán là TSCĐ hữu hình nếu không có chúng doanh nghiệp sẽ không thể hoạt động và bán sản phẩm hóa chất của mình.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

✓ Tài sản được sử dụng cho nhiều mục đích, ví dụ tòa nhà hỗn hợp vừa dùng làm văn phòng làm việc, vừa để cho thuê và một phần để bán thì phải ước tính FV của từng bộ phận hoặc phân bổ theo tiêu thức khác hợp lý hơn để ghi nhận cho phù hợp với mục đích sử dụng thực tế. Trường hợp một công trình có một số hạng mục sử dụng chung (như thang máy, hệ thống điều hòa, hầm để xe,...) mà một phần để sử dụng, một phần để cho thuê thì được phân loại các tài sản dùng chung này là TSCĐ hoặc BĐSĐT theo tiêu thức phù hợp với từng công trình.

✓ Khi mua TSCĐ được nhận kèm thêm sản phẩm, thiết bị, phụ tùng thay thế,... thì phải phân bổ giá phí cho cả TSCĐ chính mua về và các tài sản được nhận kèm theo giá trị hợp lý tương ứng của từng tài sản tại ngày mua hoặc phải xác định và ghi nhận riêng các tài sản được tặng theo FV và trừ khỏi giá mua để xác định nguyên giá TSCĐ chính.

Trường hợp mua TSCĐ được nhận kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế chuyên dùng mà các tài sản này chỉ có thể sử dụng đi kèm với TSCĐ chính để dự phòng TSCĐ chính bị hỏng đột ngột (có nghĩa là loại thiết bị, phụ tùng thay thế này sẽ không còn giá trị sử dụng khi TSCĐ chính được thanh lý, nhượng bán hoặc khấu hao hết) thì không phải xác định và ghi nhận riêng giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế này nhưng phải mở sổ theo dõi chi tiết về số lượng, tính chất của các tài sản được tặng kèm này và trình bày trên Thuyết minh BCTC.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi phí sau ghi nhận ban đầu

1. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản, thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản, như:
 - (a) Tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc tăng công suất sử dụng;
 - (b) Cải tiến bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra;
 - (c) Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.
2. Chi phí về sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ hữu hình nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Những TSCĐ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì khi phát sinh được ghi nhận là **chi phí chờ phân bổ hoặc được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm (nếu có nghĩa vụ).**



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHẤU HAO

Sự khác biệt giữa CMKT và Thông tư 45

	VAS 03	TT45	Thực hiện
Thời gian khấu hao	Không quy định cụ thể	Quy định cụ thể thời gian	Theo Thông tư 45
Giá trị khấu hao	Nguyên giá – giá trị thanh lý có thể thu hồi	Nguyên giá	
Thay đổi phương pháp khấu hao	Được thay đổi nếu có sự thay đổi đáng kể trong cách thức sử dụng tài sản	Chỉ được thay đổi 1 lần	



Ví dụ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần

TSCĐ nguyên giá 10 tỉ đồng, thời gian sử dụng hữu ích là 5 năm. Tỷ lệ khấu hao tuyến tính là 20%/năm; Tỷ lệ khấu hao nhanh (Hệ số điều chỉnh k = 2) là 40%/năm. Mức khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần được xác định như sau

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm thứ	Giá trị còn lại TSCĐ	Phương pháp xác định Mức khấu hao	Mức khấu hao hàng năm	Khấu hao lũy kế cuối năm
1	10.000	$10.000 \times 40\%$	4.000	4.000
2	6.000	$6.000 \times 40\%$	2.400	6.400
3	3.600	$3.600 \times 40\%$	1.440	7.840
4	2.160	$2.160 : 2$	1.080	8.920
5	1.080	$2.160 : 2$	1.080	10.000



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên tắc trích khấu hao

1. Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Tất cả TSCĐ hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao ngoại trừ **(Quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC)**:
 - ✓ TSCĐ đã khấu hao hết; TSCĐ khấu hao chưa hết bị mất;
 - ✓ TSCĐ do doanh nghiệp quản lý hộ; TSCĐ không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp.
 - ✓ TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động được trang trải bằng quỹ phúc lợi (trừ các TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).
 - ✓ TSCĐ từ nguồn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền bàn giao để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

2. Đối với các công trình XD CB hoàn thành đưa vào sử dụng, doanh nghiệp đã hạch toán tăng TSCĐ theo giá tạm tính do chưa thực hiện quyết toán. Khi quyết toán, nếu có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán thì phải điều chỉnh lại nguyên giá TSCĐ theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Không phải điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm TSCĐ hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Câu hỏi: TSCĐ không sử dụng có được khấu hao hay không?

Trả lời: Kế toán vẫn khấu hao và tính vào chi phí khác, tuy nhiên chi phí khấu hao tính thuế chỉ áp dụng đối với TSCĐ tạm ngừng không quá 9 tháng. Nếu TSCĐ không sử dụng quá 9 tháng thì chi phí khấu hao không được tính là chi phí được trừ



3. Thời gian khấu hao đối với TSCĐ thực hiện theo khung do Bộ Tài chính quy định. Trường hợp doanh nghiệp muốn xác định thời gian trích khấu hao khác so với khung, doanh nghiệp phải lập phương án thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định trên cơ sở giải trình rõ các nội dung sau:

- ✓ Tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ theo thiết kế;
- ✓ Hiện trạng TSCĐ (thời gian TSCĐ đã qua sử dụng, thể hệ tài sản, tình trạng thực tế của tài sản);
- ✓ Ảnh hưởng của việc tăng, giảm khấu hao TSCĐ đến kết quả sản xuất kinh doanh và nguồn vốn trả nợ các tổ chức tín dụng.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

- ✓ Chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản. Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của TSCĐ bảo đảm không vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ và không làm thay đổi KQKD của doanh nghiệp từ lãi thành lỗ hoặc ngược lại tại năm quyết định thay đổi.
- ✓ Trường hợp có các yếu tố tác động (như việc nâng cấp hay tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ) nhằm kéo dài hoặc rút ngắn thời gian sử dụng đã xác định trước đó của TSCĐ, phải xác định lại thời gian trích khấu hao tại thời điểm hoàn thành nghiệp vụ phát sinh và phải lập biên bản nêu rõ các căn cứ làm thay đổi thời gian trích khấu hao, trình cấp có thẩm quyền quyết định.
- ✓ Thẩm quyền phê duyệt Phương án thay đổi thời gian trích khấu hao của tài sản cố định là Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày được phê duyệt Phương án, doanh nghiệp phải thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để theo dõi, quản lý.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

TỔNG QUAN KẾ TOÁN TÀI SẢN SINH HỌC

1 Phân loại tài sản sinh học: Gồm tài sản sinh học cho hoạt động nông nghiệp và tài sản sinh học không sử dụng cho hoạt động nông nghiệp, gồm:

a. Cây trồng, vật nuôi được phân loại là TSCĐ

✓ Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ (không dùng để lấy gỗ): Là các cây trồng cung cấp sản phẩm nhiều hơn một kỳ kế toán và ít có khả năng được bán dưới dạng sản phẩm nông nghiệp, trừ trường hợp thanh lí đột ngột;

✓ Vật nuôi làm việc trong vườn thú, phục hoạt động du lịch, tham quan...

b. Cây trồng, vật nuôi được kế toán là tài sản sinh học

✓ Cây trồng để lấy sản phẩm một lần (ví dụ các loại cây lấy gỗ hoặc vừa lấy gỗ vừa cho sản phẩm như cây cao su); cây trồng theo mùa vụ hàng năm (ví dụ ngô, lúa, mì, khoai, rau,...);

✓ Súc vật nuôi lấy thịt, sản phẩm một lần (cá, lợn, bò, gà,... nuôi lấy thịt) hoặc súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ (ví dụ bò sữa, gà lấy trứng, cừu lấy lông cừu, tôm giống, gà giống, cá giống, lợn giống,...)



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Trình bày BCTC:

(1) Đối với vật nuôi:

- ✓ Vật nuôi sử dụng cho hoạt động nông nghiệp: Tài sản sinh học ngắn hạn hoặc dài hạn;
- ✓ Vật nuôi không sử dụng cho hoạt động nông nghiệp: súc vật làm việc (các con vật được nuôi trong rạp xiếc để biểu diễn xiếc, nuôi trong vườn thú để cho khách tham quan, chó nghiệp vụ được nuôi để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu,...): TSCĐ.

(2) Đối với cây trồng

- ✓ Cây trồng dài ngày cho sản phẩm, cây cảnh và không lấy gỗ: TSCĐ;
- ✓ Cây trồng lấy gỗ, vừa cho sản phẩm vừa lấy gỗ, cây trồng ngắn ngày thu hoạch cả cây như cây lương thực trình bày là tài sản sinh học ngắn hạn hoặc dài hạn.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

TÀI KHOẢN 215 - TÀI SẢN SINH HỌC

- (1) Tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của:
- (i) các tài sản sinh học liên quan đến hoạt động nông nghiệp (bao gồm cả các tài sản sinh học được tạo ra/sinh ra từ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ của doanh nghiệp);
 - (ii) sản phẩm nông nghiệp tại thời điểm thu hoạch.

Tài khoản này không sử dụng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và vật nuôi không sử dụng cho hoạt động nông nghiệp được phân loại là TSCĐ hữu hình.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- (2) Tài sản sinh học được phản ánh trong TK này là các cây trồng hoặc vật nuôi sống gắn với sự quản lý của doanh nghiệp đối với quá trình biến đổi sinh học mà sau đó có thể được chuyển thành các sản phẩm nông nghiệp hoặc tạo ra các tài sản sinh học khác.
3. Hoạt động nông nghiệp là hoạt động quản lý sự biến đổi sinh học nhằm thu hoạch được tài sản sinh học để bán hoặc để chế biến thành sản phẩm nông nghiệp hoặc sinh ra tài sản sinh học khác, như: trồng trọt (trồng cây hàng năm, cây lâu năm, vườn cây, vườn hoa, đồn điền,...) chăn nuôi (nuôi trồng thủy hải sản, gia súc, gia cầm,...).
4. Sản phẩm nông nghiệp là sản phẩm được thu hoạch từ tài sản sinh học (lá chè được thu hoạch từ bụi chè, sữa bò được thu hoạch từ bò mẹ, trứng được thu hoạch từ gà đẻ trứng,...). Sau thời điểm thu hoạch, các sản phẩm này không còn là tài sản sinh học mà chuyển sang là hàng tồn kho.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5. Kế toán Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ:

- ✓ Các chi phí mua, nuôi dưỡng từ khi bắt đầu cho đến giai đoạn trưởng thành được tính vào giá gốc;
- ✓ Đến giai đoạn trưởng thành thì bắt đầu thực hiện việc trích khấu hao theo giá trị phải khấu hao tương tự như khấu hao TSCĐ (tính vào giá vốn hàng bán);
- ✓ Chi phí chăm sóc, nuôi trồng sau giai đoạn trưởng thành được ghi nhận vào giá vốn hàng bán;



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ Khi tài sản sinh học mẹ bắt đầu cho sản phẩm (ví dụ gà đẻ trứng, bò cho sữa,...) hoặc sinh ra các tài sản sinh học khác (bò mẹ sinh ra bê con,...): Giá gốc của sản phẩm nông nghiệp (trứng, sữa...) hoặc tài sản sinh học mới tạo ra (bê con...) phải bao gồm phần chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng phát sinh trong kỳ tính cho tài sản sinh học mới đó và chi phí khấu hao tài sản sinh học mẹ. Việc phân bổ chi phí chăm sóc, nuôi trồng trong kỳ cho các tài sản sinh học liên quan (tài sản sinh học mẹ, tài sản sinh học mới tạo ra, sản phẩm nông nghiệp,...) cần căn cứ vào đặc điểm, yêu cầu quản lý, cách thức thu hồi lợi ích tài sản sinh học. Doanh nghiệp phải áp dụng nhất quán phương pháp phân bổ đã chọn qua các kỳ kế toán và phải thuyết minh trên BCTC.
- ✓ Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán: Trường hợp có dấu hiệu hoặc bằng chứng về việc các tài sản sinh học này bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá trị ghi sổ của tài sản sinh học thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản;



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(3) Kế toán tài sản sinh học là Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần và Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần

- ✓ Toàn bộ chi phí mua, nuôi trồng, chăm sóc,... phát sinh liên quan trực tiếp được hạch toán vào giá gốc. Nếu các chi phí này phát sinh không làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của doanh nghiệp thì phải được ghi nhận là chi phí SXKD trong kỳ.
- ✓ Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán: Nếu có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy các tài sản này bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với NBV của tài sản sinh học thì phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản sinh học.
- ✓ Trình bày là tài sản sinh học ngắn hạn hoặc dài hạn phù hợp với tiêu chí phân loại của BCTC



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN CHI PHÍ SỬ DỤNG ĐẤT

1. Phân loại

- ✓ Đất trả tiền thuê hàng năm;
- ✓ Đất trả trước tiền thuê;
- ✓ Đất sử dụng lâu dài được ghi nhận là TSCĐ vô hình
- ✓ Đất cho thuê được phân loại là Bất động sản đầu tư

2. Nguyên tắc kế toán

- ✓ Đất sử dụng lâu dài thì không khấu hao;
- ✓ Đất có thời hạn thì phải tính chi phí hàng năm hoặc khấu hao/phân bổ dần vào chi phí SXKD phù hợp với mục đích sử dụng đất;
- ✓ Chi phí sử dụng đất trong giai đoạn XD CB nếu liên quan trực tiếp đến tài sản trên đất thì có thể vốn hóa như chi phí lãi vay;
- ✓ Chi phí sử dụng đất liên quan đến hàng hóa BĐS thì tính vào giá vốn khi bán;
- ✓ Chi phí giải phóng mặt bằng tính vào giá trị đất;
- ✓ Chi phí san lấp mặt bằng: Tùy thuộc từng trường hợp để kế toán vào giá trị đất hoặc tài sản trên đất một cách phù hợp bản chất



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Câu hỏi: Khoản trả trước tiền thuê đất sau ngày luật đất đai có hiệu lực và có sổ đỏ nếu không được ghi nhận là TSCĐ vô hình thì xử lý như thế nào?

Trả lời: Theo quy định của Thông tư 45 tiền thuê đất đối với đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi thỏa mãn 2 điều kiện:

- i) Thuê trước ngày có hiệu lực thi hành của Luật Đất đai 2003 và
- ii) Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy tất cả các trường hợp trả trước tiền thuê đất sau ngày luật đất đai có hiệu lực đều phải ghi nhận là chi phí trả trước, không phân biệt có sổ đỏ hay không



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Câu hỏi: Dòng tiền đối với tiền thuê đất trả trước 1 lần được trình bày như thế nào?

Trả lời: Khoản trả trước một lần tiền thuê đất mặc dù không được ghi nhận là TSCĐ vô hình nhưng xét về bản chất, dòng tiền trả trước một lần tiền thuê đất hay dòng tiền phát sinh từ việc mua quyền sử dụng đất có thời hạn đều là dòng tiền hoạt động đầu tư. Do đó, chỉ tiêu “tăng, giảm chi phí trả trước” thuộc dòng tiền hoạt động kinh doanh không bao gồm chênh lệch giữa số dư cuối kỳ với số dư đầu kỳ của tiền thuê đất trả trước một lần (đã được ghi nhận là hoạt động đầu tư)



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Câu hỏi: Doanh nghiệp năm nay phải nộp bổ sung tiền thuê đất của một vài năm trước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do giá đất thay đổi chứ không phải do sai sót. Vậy số tiền nộp này có được phân bổ dần vào chi phí không thông qua TK 242?

Trả lời: Khoản tiền đất phải nộp cho các năm trước trong trường hợp này phải ghi nhận ngay là chi phí của BCKQHĐKD của kỳ phát sinh, không được ghi nhận là chi phí trả trước vì bản chất khoản này không phải là chi phí trả trước mà là một khoản tổn thất của doanh nghiệp. Khoản tổn thất là rủi ro từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nên không được ghi nhận là một tài sản trên TK 242



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN DỰ PHÒNG TỔN THẤT TÀI SẢN

1. Các loại dự phòng tổn thất tài sản

- a) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng do giảm giá các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh;
- b) Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn hoặc **khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp có khả năng không thu hồi được.**
- c) Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Là khoản dự phòng giá trị các khoản nợ phải thu khó hoặc không có khả năng thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản phải thu.
- d) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Là khoản dự phòng khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.
- đ) Dự phòng tổn thất tài sản sinh học: Là khoản dự phòng khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của tài sản sinh học.**



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng tổn thất tài sản đều được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc:

- ✓ Nếu số phải trích lập năm nay > số đã trích lập từ năm trước: trích lập bổ sung;
- ✓ Nếu số phải trích lập năm nay < số đã trích lập từ năm trước: Hoàn nhập;

3. Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

- ✓ Đối với các chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán chưa niêm yết nhưng FV được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được căn cứ vào FV của chứng khoán;
- ✓ Đối với chứng khoán kinh doanh không xác định được FV, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

4. Căn cứ trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác
- a) Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng BCTC hợp nhất. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập, căn cứ để trích lập dự phòng BCTC riêng.
 - b) Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Chỉ trích lập dự phòng do công ty liên doanh, liên kết bị lỗ nếu BCTC không áp dụng phương pháp vốn chủ.
 - c. Đối với khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài khác:
 - ✓ Các khoản đầu tư có FV được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên FV;
 - ✓ Các khoản đầu tư không xác định được FV, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.
 - d. Đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Việc lập dự phòng được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư không thu hồi được.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5. Căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- (1) Phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi có khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản nợ phải thu ước tính có thể bị tổn thất do đối tượng nợ mất tích, trốn nợ hoặc khó hoặc mất khả năng thanh toán.
- (2) Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- (3) Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi
 - ✓ 30% giá trị nếu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - ✓ 50% giá trị nếu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - ✓ 70% giá trị nếu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - ✓ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- (4) Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông, kinh doanh bán lẻ, khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau và khoản nợ phải thu do bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp cho các đối tượng nợ là cá nhân đã quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:
- ✓ 30% giá trị nếu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
 - ✓ 50% giá trị nếu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.
 - ✓ 70% giá trị nếu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
 - ✓ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 12 tháng trở lên.
- (5) Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy đối tượng nợ đã bỏ trốn mở thủ tục phá sản, đang bị truy tố, giam giữ, xét xử, thi hành án, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết; khoản nợ đã được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được thì phải dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.
- (6) Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài nhiều năm nhưng vẫn không thu được thì làm các thủ tục bán nợ hoặc xóa nợ và thuyết minh trong BCTC. Nếu lại đòi được nợ đã xóa thì số tiền thu được hạch toán vào thu nhập khác.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

6. Căn cứ dự phòng giảm giá hàng tồn kho **và tài sản sinh học**

- (1) Doanh nghiệp thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và tài sản sinh học khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được (NRV) thấp hơn so với giá trị ghi sổ (NBV).
- (2) NRV của hàng tồn kho và **tài sản sinh học** là giá bán ước tính trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.
- (3) Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và tài sản sinh học phải tính theo từng mặt hàng, từng loại tài sản sinh học. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Lưu ý: Không lập dự phòng nếu:

- ✓ Hàng tồn kho bị giảm giá nhưng chắc chắn sẽ tiêu thụ với mức cao hơn giá gốc;
- ✓ Loại hàng có 1 số sản phẩm bị hư hỏng nên có khả năng giảm giá nhưng tổng NRV của loại hàng đó vẫn cao hơn giá gốc;
- ✓ Hàng tồn kho bị giảm giá nhưng không dùng cho SXKD mà dùng cho XD CB; NVL bị giảm giá nhưng sản phẩm do chúng sản xuất ra không bị giảm giá



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

7. Phương pháp kế toán các khoản dự phòng tổn thất tài sản

- (1) Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận tăng, giảm chi phí tài chính
- (2) Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận tăng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp
- (3) Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và **tài sản sinh học** được ghi nhận tăng, giảm giá vốn hàng bán



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

1. Bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước có liên quan đến nhiều kỳ. **Chi phí thành lập doanh nghiệp; Chi phí đào tạo, quảng cáo trong giai đoạn trước hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (không phân bổ dần);**
2. Các nội dung được phản ánh là chi phí chờ phân bổ, bao gồm:
 - ✓ Chi phí về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động TSCĐ đã phát sinh (quyền sử dụng đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng làm việc...);
 - ✓ Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mua và trả một lần cho nhiều kỳ;
 - ✓ CCDC, bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê trong nhiều kỳ;
 - ✓ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ trong nhiều kỳ (**chỉ trích trước trên TK 335 nếu có nghĩa vụ**);
 - ✓ Số chênh lệch giá bán < NBV của TSCĐ bán và thuê lại là thuê tài chính;
 - ✓ Số chênh lệch giá bán < FV của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động;
 - ✓ LTTM từ việc hợp nhất kinh doanh không hình thành công ty mẹ - công ty con, trừ trường hợp hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung;
 - ✓ Các khoản chi phí chờ phân bổ khác không thỏa mãn điều kiện là TSCĐ, như tiền đọc tài liệu khai thác tài nguyên, khoáng sản,...



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

3. Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí SXKD từng kỳ phải căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ cho phù hợp.

- ✓ Ví dụ, đối với chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì thời gian phân bổ dự kiến có thể tính từ khi TSCĐ được sửa chữa bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ sau; hoặc đối với công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán thì thời gian phân bổ có thể là thời gian dự kiến sử dụng hữu ích của công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển hoặc đồ dùng cho thuê,...
- ✓ Phân bổ tiền thuê đất trả trước: Phân bổ theo thời gian cho thuê theo nguyên tắc đất sử dụng cho mục đích nào thì phân bổ vào chi phí đó



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ



TÀI KHOẢN 332 - PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

a) Phản ánh số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của công ty.

b) Thời điểm doanh nghiệp ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau:

- ✓ Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- ✓ Đối với các doanh nghiệp còn lại thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt của mặt hàng xăng (và các mặt hàng có chính sách tương tự) đã nộp ở khâu nhập khẩu được khấu trừ, được hoàn khi bán trong nội địa

- ✓ Khi xác định số phải nộp: Nợ TK 1383/Có TK 3332.
- ✓ Nếu số thuế TTĐB được khấu trừ (đã nộp ở khâu nhập khẩu) > số thuế phải nộp ở khâu bán ra:
Nợ TK 3332, Nợ TK 632
Có TK 1383 (số thuế TTĐB được khấu trừ trong kỳ).
- ✓ Nếu số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu < số thuế TTĐB phải nộp ở khâu bán ra thì phải nộp thêm: Nợ TK 3332/Có TK 112
- ✓ Trường hợp được hoàn thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu:
Nợ TK 112/Có TK 1383 - Thuế TTĐB của hàng nhập khẩu.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Kế toán các khoản phải trả khác

1. Các khoản phải trả, phải nộp khác gồm:

- ✓ Giá trị tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân còn chờ xử lý hoặc giá trị tài sản thừa phải trả (đã xác định được nguyên nhân);
- ✓ Số tiền trích và thanh toán bảo BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ; Các khoản khấu trừ vào tiền lương; Vật tư, hàng hóa mượn có tính chất tạm thời;
- ✓ Các khoản nhận vốn góp (BCC) không hình thành pháp nhân mới;
- ✓ Các khoản thu hộ bên thứ ba phải trả lại; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận từ bên giao ủy thác để thanh toán hộ cho bên giao ủy thác;
- ✓ Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng; Các khoản doanh thu, thu nhập chưa thực hiện;
- ✓ Khoản chênh lệch giá bán cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê tài chính; Khoản chênh lệch giá bán cao hơn giá trị hợp lý của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động;
- ✓ Tài sản được tài trợ, biếu, tặng có kèm theo điều kiện;
- ✓ Các khoản khác, như phải trả để mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ và các khoản hỗ trợ khác (ngoài lương) cho người lao động,...



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Doanh thu nhận trước về cho thuê TSCĐ, BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động được xác định bằng tổng số tiền cho thuê hoạt động TSCĐ, BĐS đầu tư đã thu chia cho số kỳ thu tiền trước cho thuê hoạt động TSCĐ, BĐS đầu tư (không ghi nhận doanh thu một lần đối với số tiền nhận trước trừ khi giao dịch có bản chất là bán)

3. Khi nhận Các khoản được hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng kèm điều kiện thì phải ghi nhận vào doanh thu chờ phân bổ. Khi đáp ứng được điều kiện thì hạch toán vào thu nhập khác, nếu không đáp ứng điều kiện thì phải trả lại.

4. Kế toán các khoản tài trợ của Nhà nước

- ✓ Khoản hỗ trợ của Nhà nước được ghi nhận vào P/L để bù đắp trong thời kỳ mà doanh nghiệp ghi nhận các khoản chi phí.
- ✓ Trường hợp pháp luật quy định khoản hỗ trợ của Nhà nước hình thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thì ghi tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- ✓ Trường hợp pháp luật quy định khoản hỗ trợ liên quan đến hình thành TSCĐ, nếu không hình thành vốn Nhà nước thì ghi nhận vào 3387. Khi đáp ứng các điều kiện theo quy định thì phân bổ một cách có hệ thống vào 711 theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản hoặc số kỳ phát sinh chi phí mà khoản hỗ trợ Nhà nước được sử dụng để bù đắp.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

1. Phải theo dõi chi tiết kỳ hạn của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay, mượn tiền, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ trên 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán phải trình bày là. Các khoản vay, mượn tiền, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ từ 12 tháng trở xuống kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán hoặc không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán phải trình bày là ngắn hạn.
2. Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay. Việc vốn hóa chi phí đi vay phải tuân thủ VAS 16. Trường hợp đi vay để đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết,... thì chi phí đi vay không được vốn hóa.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

(1) Các khoản dự phòng phải trả thường bao gồm:

- ✓ Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá;
- ✓ Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;
- ✓ Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp;
- ✓ Dự phòng phải trả khác, bao gồm cả khoản dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo quy định của pháp luật, khoản dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn, **dự phòng hoàn nguyên môi trường,...** khi những chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ trong hợp đồng > những lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

Lưu ý chỉ dự phòng sửa chữa TSCĐ khi thực sự có nghĩa vụ, nếu không chỉ ghi nhận khi thực tế phát sinh trên TK 242 và phân bổ dần mà không thực hiện trích lập dự phòng.

(2) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- ✓ Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- ✓ Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Lưu ý phân biệt sự khác nhau giữa dự phòng phải trả và các khoản nợ tiềm tàng; Dự phòng phải trả và chi phí phải trả (trích trước)



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(3) Đối với Dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp

a. Chỉ được ghi nhận khi có kế hoạch chính thức cụ thể để xác định rõ việc tái cơ cấu doanh nghiệp, trong đó phải có ít nhất 5 nội dung sau:

- ✓ Toàn bộ hoặc một phần của việc kinh doanh có liên quan;
- ✓ Các vị trí quan trọng bị ảnh hưởng;
- ✓ Vị trí, nhiệm vụ và số lượng nhân viên ước tính sẽ được nhận bồi thường khi họ buộc phải thôi việc;
- ✓ Các khoản chi phí sẽ phải chi trả; và
- ✓ Khi nào kế hoạch được thực hiện.

b) Dự phòng cho việc tái cơ cấu chỉ được dự tính cho những chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động tái cơ cấu thoả mãn cả hai điều kiện:

- ✓ Bắt buộc phải có cho hoạt động tái cơ cấu;
- ✓ Không liên quan đến các hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp.

Khoản dự phòng cho việc tái cơ cấu không bao gồm các chi phí như: Đào tạo lại hoặc luân chuyển nhân viên hiện có; Tiếp thị; Đầu tư vào những hệ thống mới và các mạng lưới phân phối.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(4) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày báo cáo. **Phải thuyết minh rõ các căn cứ thực hiện ước tính và các thông tin sử dụng liên quan đến các ước tính này trong Thuyết minh Báo cáo tài chính.**

(5) Phương pháp kế toán dự phòng phải trả: Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải trả được thực hiện dựa trên số chênh lệch giữ số đã trích lập từ năm trước **chưa sử dụng hết** và số phải trích lập năm nay.

- ✓ Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm hàng hóa, được trích lập vào chi phí bán hàng và hoàn nhập ghi giảm Chi phí bán hàng.
- ✓ Dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây dựng được **trích lập vào chi phí bán hàng và hoàn nhập ghi giảm Chi phí bán hàng.**
- ✓ Dự phòng phải trả về tái cơ cấu được trích lập vào chi phí quản lý và hoàn nhập ghi giảm Chi phí quản lý.
- ✓ Dự phòng phải trả khác được trích lập vào chi phí khác và hoàn nhập ghi giảm Chi phí khác.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

6) Điều khoản chuyển tiếp về kế toán dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ

Trường hợp doanh nghiệp đang thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ nhưng khi Thông tư này có hiệu lực thi hành mà hoạt động sửa chữa lớn TSCĐ chưa được thực hiện thì doanh nghiệp không tiếp tục thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ (trừ khi có nghĩa vụ). Khi hoạt động sửa chữa lớn TSCĐ được thực hiện thì doanh nghiệp kết chuyển phần chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế phát sinh với số đã trích trước, phần chênh lệch giữa số chi phí sửa chữa lớn đã trích trước < số thực tế phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí SXKD từng kỳ.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

Lưu ý nguyên tắc phân biệt các khoản chi phí phải trả với các khoản dự phòng phải trả:

✓ Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể;

✓ Các khoản dự phòng phải trả ước tính được nhưng có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả (ví dụ khoản chi phí dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng, dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp,...);

✓ Trên Báo cáo tình hình tài chính, các khoản dự phòng phải trả được trình bày tách biệt với các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

✓ Các khoản chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại chắc chắn về thời gian phải thanh toán;

✓ Các khoản chi phí phải trả xác định được chắc chắn số sẽ phải trả (ví dụ: trích trước lãi vay, chi phí của khối lượng công việc đã chắc chắn phát sinh trong kỳ nhưng chưa nghiệm thu;

✓ chi phí phải trả là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Khoản vốn góp huy động, nhận từ các chủ sở hữu luôn được ghi nhận theo số thực góp, không ghi nhận theo số cam kết sẽ góp của các chủ sở hữu. Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản phi tiền tệ thì doanh nghiệp phải ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại ngày góp vốn.
2. Xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ
 - ✓ Trường hợp doanh nghiệp có vốn góp bằng ngoại tệ: việc xác định phần vốn góp thừa, thiếu, đủ so với vốn điều lệ được căn cứ theo quy định của **pháp luật về đầu tư**;
 - ✓ Trường hợp nhà đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp vốn; Không được đánh giá lại các khoản nhận góp vốn bằng ngoại tệ.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

3. Chi phí phát hành cổ phiếu (bao gồm các chi phí trực tiếp để phát hành cổ phiếu và chi phí khác liên quan đến phát hành cổ phiếu): Đối với chi phí phát hành cổ phiếu tương ứng với số cổ phiếu còn lại không phát hành được sẽ hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính; đối với chi phí phát hành cổ phiếu tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công được đưa vào thặng dư vốn.
4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu: Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi
 - ✓ Được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi;
 - ✓ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, doanh nghiệp chuyển quyền chọn này sang ghi nhận là thặng dư vốn.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

5. Công ty đại chúng phát hành/chào bán cổ phiếu huy động vốn từ các cổ đông: Khi kết thúc đợt chào bán hoặc kết thúc đợt phát hành, doanh nghiệp báo cáo UBCKNN. Khi được chấp thuận từ UBCKNN thì mới ghi tăng vốn góp (trước đó khi nhận tiền ghi phải trả khác).
6. Bỏ quy định về chủ sở hữu được sử dụng vốn góp, thặng dư...(những khoản không có nguồn gốc từ LNST) để bù lỗ kinh doanh;
7. Trường hợp doanh nghiệp trả lại vốn góp bằng tài sản phi tiền tệ (như hàng tồn kho, TSCĐ,...) thì việc xác định giá trị vốn góp trả lại cho chủ sở hữu căn cứ theo FV của tài sản phi tiền tệ hoặc giá thỏa thuận do các bên thống nhất đánh giá. Phần chênh lệch giữa FV và NBV tài sản phi tiền tệ trả cho chủ sở hữu được ghi nhận vào **thu nhập khác hoặc chi phí khác**.
8. Khi trả cổ tức thì theo dõi số phải trả trên TK 332
9. Bỏ các TK 417, 441, 461, 466; Đối với số dư TK 441- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (nếu có) đã được kết chuyển sang TK 4118- Vốn khác, doanh nghiệp báo cáo chủ sở hữu hoặc cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý và căn cứ vào quyết định xử lý đó để hạch toán cho phù hợp.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN DOANH THU, THU NHẬP



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Khi kê toán doanh thu, doanh nghiệp phải xác định vai trò là chủ thể thực hiện cung cấp các hàng hóa, dịch vụ đã cam kết cho khách hàng hay chỉ đóng vai trò đại lý sắp xếp để đơn vị khác cung cấp các hàng hóa, dịch vụ này từ đó xác định thời điểm hoàn thành nghĩa vụ.
- ✓ Doanh nghiệp là chủ thể nếu kiểm soát hàng hóa, dịch vụ trước khi chuyển giao hàng hóa, dịch vụ đó cho khách hàng. Tuy nhiên, cũng có thể không nhất thiết phải kiểm soát một hàng hóa nếu có quyền sở hữu về mặt pháp lý đối với hàng hóa đó chỉ trong một khoảng thời gian ngắn trước khi chuyển giao quyền sở hữu cho khách hàng.
- ✓ Doanh nghiệp là đại lý nếu nghĩa vụ là sắp xếp để bên thứ 3 cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ cụ thể, không có quyền kiểm soát hàng hóa, dịch vụ đó (không gánh chịu rủi ro, không kiểm soát giá bán, chất lượng,...).



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo luật định; Doanh thu để lập BCTC phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số ghi trên hóa đơn.

Khi luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tùy theo đặc điểm hoạt động, phân cấp quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp có thể quyết định việc ghi nhận doanh thu tại các đơn vị trực thuộc mà không phụ thuộc vào chứng từ kèm theo (hóa đơn hay chứng từ nội bộ). Khi lập BCTC tổng hợp, tất cả các khoản doanh thu giữa các đơn vị trực thuộc đều phải được loại trừ.

3. Đối với các giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ của doanh nghiệp ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, doanh thu phải được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ thực hiện và được ghi nhận khi nghĩa vụ đã được thực hiện.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

4. Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) hoặc chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế; Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa.
5. Trường hợp tặng sản phẩm miễn phí cho khách hàng mà giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chính không thay đổi cho dù khách hàng có nhận hay không thì giá trị sản phẩm tặng kèm được ghi nhận vào chi phí bán hàng như trường hợp khuyến mại không kèm theo điều kiện và không ghi nhận doanh thu sản phẩm tặng kèm.
6. Giao dịch dành cho khách hàng truyền thống: Căn cứ bản chất hợp đồng, cam kết của doanh nghiệp với khách hàng xem doanh nghiệp là chủ thể hay chỉ là đại lý hoặc đóng vai trò là bên bán quyền sử dụng dịch vụ để xác định thời điểm hoàn thành nghĩa vụ làm căn cứ ghi nhận doanh thu.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

7. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hoặc hàng bán bị trả lại thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- ✓ Nếu việc giảm giá, chiết khấu thương mại, bị trả lại hàng đã bán phát sinh trước thời điểm phát hành BCTC, đây là một sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh và ghi giảm doanh thu trên BCTC của kỳ lập báo cáo.
- ✓ Nếu việc giảm giá, chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành BCTC thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Lưu ý: Trường hợp phát sinh khoản phải trả cho khách hàng (ví dụ như các khoản tiền, phí lên kệ, phí niêm yết..) mà khách hàng có thể sử dụng để giảm trừ ngay vào các khoản thanh toán khi mua hàng của doanh nghiệp thì các khoản này bản chất và được hạch toán giảm doanh thu.

8. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh. Trường hợp có nhận tiền ứng trước của khách hàng bằng ngoại tệ thì doanh thu tương ứng với số tiền ứng trước được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận ứng trước.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

9. Doanh thu kinh doanh Bất động sản đầu tư

- (1) Trường hợp doanh nghiệp cho thuê BĐSĐT có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu dịch vụ cho thuê BĐSĐT được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê (không ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước).
- (2) Các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc bán BĐSĐT được xác định bằng số chênh lệch giữa doanh thu với chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán BĐSĐT và giá trị còn lại của BĐSĐT. Số lãi hoặc lỗ này được trình bày theo số thuần trên P/L (trừ trường hợp bán và thuê lại tài sản là bất động sản được thực hiện theo quy định tại VAS 06 - Thuê tài sản).

Trường hợp bán BĐSĐT theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán BĐSĐT được xác định theo giá bán trả tiền ngay (giá bán chưa có thuế GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế). Định kỳ, doanh nghiệp ghi nhận khoản lãi trả chậm, trả góp vào doanh thu tài chính của từng kỳ.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

10. Trường hợp bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo sản phẩm, hàng hóa, thiết bị thay thế thì phải phân bổ doanh thu cho sản phẩm, hàng hóa được bán và sản phẩm hàng hóa, thiết bị giao cho khách hàng để thay thế phòng ngừa hỏng hóc. Giá trị của sản phẩm, hàng hóa, thiết bị thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.
11. Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê cho nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê. Trường hợp hợp đồng có nhiều cấu phần (bán, thuê,...) thì phải xác định doanh thu cho từng cấu phần bán và cho thuê để kế toán phù hợp.
12. Doanh thu cung cấp dịch vụ ủy thác là phí ủy thác được hưởng.
13. Doanh thu dịch vụ gia công là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
14. Doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp, là giá bán trả tiền ngay (không ghi nhận doanh thu chưa thực hiện với số chênh lệch giữa giá bán trả tiền ngay và giá trả chậm).

TT200: Nợ TK 131/Có các TK 511, 3387, định kỳ phân bổ 3387 vào 515

TT99: Nợ 131/Có TK 511 (giá bán thu tiền ngay)

Định kỳ, ghi nhận doanh thu lãi bán hàng trả chậm, trả góp: Nợ TK 131/Có TK 515.



15. Doanh thu kinh doanh bất động sản

(1) Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo VAS15 và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- ✓ Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(2) Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và doanh nghiệp thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng thì doanh nghiệp được ghi nhận doanh thu khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng. Trường hợp này, doanh nghiệp phải có hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng với khách hàng, trong đó quy định rõ yêu cầu của khách hàng về thiết kế, kỹ thuật, mẫu mã, hình thức hoàn thiện nội thất bất động sản và biên bản bàn giao phần xây thô cho khách hàng.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(3) Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ✓ Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- (4) Đối với các công trình là căn hộ du lịch, căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú hoặc sản phẩm tương tự (Bất động sản nghỉ dưỡng) theo quy định của pháp luật hiện hành về kinh doanh bất động sản:

Doanh nghiệp căn cứ vào bản chất các điều khoản trong hợp đồng về thời hạn, về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bán căn hộ du lịch, căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú hoặc sản phẩm tương tự; các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và chế độ kế toán doanh nghiệp để xác định từng cấu phần bán, cấu phần thuê, cấu phần tài chính (nếu có),... có liên quan đến hợp đồng đó để áp dụng chính sách kế toán phù hợp nhất với đặc điểm, bản chất của giao dịch để làm cơ sở cho việc ghi nhận doanh thu tương ứng với từng cấu phần. Đồng thời, doanh nghiệp phải thuyết minh trên BCTC về chính sách kế toán, bản chất của hợp đồng (quyền và nghĩa vụ của các bên) và cách thức hạch toán mà doanh nghiệp đánh giá là phù hợp nhất.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

16. Đối với hoạt động quản lý đầu tư xây dựng

- ✓ Đối với doanh nghiệp được giao quản lý các dự án đầu tư, xây dựng sử dụng nguồn vốn NSNN hoặc vốn trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương, trường hợp lập dự toán chi phí quản lý dự án theo các quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN thì khoản kinh phí quản lý dự án mà được NSNN chi trả không được hạch toán là doanh thu, chi phí của doanh nghiệp mà hạch toán là khoản thu hộ, chi hộ.
- ✓ Đối với các doanh nghiệp làm nhiệm vụ quản lý dự án theo hợp đồng tư vấn thì số tiền thu theo hợp đồng được ghi nhận là doanh thu cung cấp dịch vụ. Doanh nghiệp dự án nếu bản chất chỉ là đơn vị thay mặt cho các nhà đầu tư thực hiện công việc quản lý dự án theo quy định trong hợp đồng, thanh toán các hợp đồng xây lắp, tư vấn, giải phóng mặt bằng,... cho các nhà thầu và tập hợp chi phí đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục công trình để quyết toán toàn bộ kinh phí cũng như bàn giao lại các công trình, hạng mục công trình hoàn thành cho chủ đầu tư thì không được ghi nhận khoản kinh phí dự án nhận được từ các chủ đầu tư là doanh thu mà phải ghi nhận là một khoản thu hộ - chi hộ.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

17. Doanh thu của hợp đồng xây dựng

(1) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- ✓ Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng;
- ✓ Các khoản thanh toán biến đổi khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng, phạt vi phạm hợp đồng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu và có thể xác định được một cách đáng tin cậy;
- ✓ Khoản thanh toán khác mà nhà thầu thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng. Ví dụ: Sự chậm trễ do khách hàng gây nên; Sai sót trong các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiết kế và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng. Các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu của hợp đồng xây dựng khi:
 - + Các cuộc thoả thuận đã đạt được kết quả là khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường;
 - + Khoản thanh toán khác được khách hàng chấp thuận và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

(2) Ghi nhận doanh thu của hợp đồng xây dựng:

- ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;
- ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.
- ✓ Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì: (i) Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn; (ii) Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.



VÍ DỤ DOANH THU HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Giá trị được kỳ vọng - Năm đầu tiên

- Một nhà thầu ký hợp đồng xây dựng một cao ốc văn phòng với yêu cầu hoàn tất vào hoặc trước thời điểm nhất định được giao. Nếu nhà thầu đáp ứng tiến độ, giá trị hợp đồng là \$100 triệu. Đối với mỗi 10 ngày trễ hạn, nhà thầu bị phạt \$5 triệu.
- Có 70% khả năng là thời hạn có thể được đáp ứng. 15% khả năng trễ 10 ngày, 10% khả năng trễ 20 ngày và 5% khả năng trễ 30 ngày.
- Giá trị hợp đồng được ước tính là bao nhiêu?

Tình huống	Giá trị hợp đồng	Xác suất	Giá trị được kỳ vọng
1	\$100m	70%	\$70.0triệu
2	\$95m	15%	\$14.2triệu
3	\$90m	10%	\$9.00triệu
4	\$85m	5%	<u>\$4.3triệu</u>
			\$97.5triệu

**Trong năm đầu tiên, công ty hoàn thành 60% tiến độ công việc.
Doanh thu là: \$97.5 triệu x 60% = \$58.5 triệu.**



VÍ DỤ DOANH THU HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Khoản thanh toán biến đổi: Giá trị được kỳ vọng trong năm thứ hai: Khi dự án tiến triển, công ty ước tính lại là có 95% khả năng họ có thể đáp ứng đúng tiến độ và chỉ 5% khả năng trễ hạn 10 ngày. Doanh thu cần ghi nhận là bao nhiêu?

Tình huống	Giá trị hợp đồng	Xác suất	Giá trị được kỳ vọng
1	\$100m	95%	\$95.00 triệu
2	\$95m	5%	<u>\$4.75</u> triệu
			\$99.75 triệu

Cuối năm thứ 2, dự án hoàn tất 90%. Doanh thu lũy kế phải ghi nhận trong 2 năm: $\$99.75 \text{ triệu} \times 90\% = \89.775 triệu

Trừ đi \$58.5 triệu đã ghi nhận trong năm đầu

Doanh thu ghi nhận cho năm thứ hai: $\$31,275 \text{ triệu}$.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán gồm:

- ✓ Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, **tài sản sinh học (trừ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ được kế toán là TSCĐ)**, BĐSĐT; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ;
- ✓ Các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐSĐT như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí bán BĐSĐT,...;
- ✓ Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho; **dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn liên quan đến bán hàng tồn kho;**
- ✓ Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, doanh nghiệp phải tính ngay vào giá vốn hàng bán;
- ✓ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá thành sản phẩm, dịch vụ sản xuất



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

- ✓ Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán
- ✓ Trường hợp khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua hàng, doanh nghiệp phải căn cứ vào tình hình biến động của hàng tồn kho để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số hàng tồn kho chưa tiêu thụ, số đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng hoặc đã xác định là tiêu thụ trong kỳ:
- ✓ Trích trước giá vốn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (nếu chưa tập hợp đủ chi phí tại thời điểm bán). Tuy nhiên cần lưu ý các trường hợp doanh thu chưa ghi nhận thì không trích trước giá vốn
- ✓ **Giá vốn khi bán BĐSĐT được bù trừ với doanh thu để ghi sổ thuần.**



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI DOANH THU TÀI CHÍNH

1. doanh thu tài chính, gồm:

- ✓ Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; phần chênh lệch giá bán lại và giá mua trái phiếu của hợp đồng mua, bán lại trái phiếu Chính phủ; phần chênh lệch giữa giá mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành thấp hơn giá trị ghi sổ của trái phiếu; các khoản lãi dồn tích phải trả của trái phiếu (nếu có) tính đến thời điểm mua lại trái phiếu...
- ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư (cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư);
- ✓ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- ✓ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán hoặc lãi khi đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ, gồm cả lãi do bán ngoại tệ;
- ✓ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Đối với việc nhượng bán các khoản đầu tư tài chính (khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; chứng khoán kinh doanh;...), doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá vốn, trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, trường hợp tài sản nhận được khi bán các khoản đầu tư là tài sản phi tiền tệ thì giá bán được tính theo giá trị hợp lý tương tự như giao dịch bán, trao đổi các tài sản phi tiền tệ đó.
3. Đối với khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.
4. Đối với lãi tiền gửi: Doanh thu lãi tiền gửi phản ánh vào tài khoản này không bao gồm khoản lãi tiền gửi phát sinh do hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang (vì được giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá).
5. Đối với tiền lãi phải thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: Doanh thu chỉ được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không thuộc trường hợp cần phải lập dự phòng.
6. Cổ tức: Không ghi nhận doanh thu cổ tức bằng cổ phiếu



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI CHI PHÍ TÀI CHÍNH

1. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:
 - ✓ Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - ✓ Chi phí mua chứng khoán kinh doanh;
 - ✓ Chi phí cho vay và đi vay vốn nhưng không được vốn hóa theo quy định; lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
 - ✓ Phần chênh lệch giữa giá mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành cao hơn giá trị ghi sổ của trái phiếu;
 - ✓ Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào đơn vị khác;
 - ✓ Khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ;
 - ✓ Các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua,...



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Chi phí phát hành trái phiếu, **chi phí thu xếp khoản vay (không bao gồm lãi vay)** được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu **hoặc kỳ hạn vay** và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu hoặc đi vay phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.
3. Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi (xem quy định chi tiết tại phần hướng dẫn Tài khoản 343 - Trái phiếu phát hành).
4. Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả.
5. Đối với khoản vay sử dụng cho nhiều mục đích thì phải phân bổ số chi phí đi vay được vốn hóa và chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính theo quy định.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Chi phí bán hàng là chi phí thời kỳ, không yêu cầu phù hợp với doanh thu. Chi phí bán hàng bao gồm:
 - ✓ Các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên bộ phận bán hàng;
 - ✓ Chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo, biếu tặng sản phẩm (không kèm điều kiện), hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển (sau khi hoàn thành sản xuất, chế biến hàng tồn kho);
 - ✓ Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bảo hành công trình xây dựng (đối với doanh nghiệp xây lắp);
 - ✓ Chi phí sửa chữa TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng,...
 - ✓ Khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được ghi giảm chi phí bán hàng



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí thời kỳ, không yêu cầu phù hợp với doanh thu. Chi phí QLDN bao gồm:

- ✓ Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp;
- ✓ Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất của bộ phận quản lý, lệ phí môn bài;
- ✓ Khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp;
- ✓ Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...);
- ✓ Thuế GTGT đầu vào liên quan đến bộ phận quản lý doanh nghiệp không được khấu trừ;
- ✓ Sản phẩm, hàng hoá tiêu dùng nội bộ sử dụng cho mục đích quản lý; sản phẩm, hàng hoá dùng để biếu, tặng



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

1. Thu nhập khác gồm (không còn gồm khoản hoàn nhập bảo hành công trình xây dựng):

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác,...;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ hoặc đã xác định được là không phải trả nợ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật, cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác,... của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp (trừ khoản hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng được ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu theo quyết định của cấp có thẩm quyền).
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

Kế toán khoản hỗ trợ có điều kiện của Nhà nước

a) Khoản hỗ trợ có điều kiện của Nhà nước là sự hỗ trợ dưới hình thức Nhà nước chuyển giao các nguồn lực (tiền, các tài sản phi tiền tệ) cho doanh nghiệp còn doanh nghiệp phải tuân thủ một hoặc một số điều kiện nhất định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong quá khứ hoặc tương lai thì mới được nhận khoản hỗ trợ của Nhà nước. Trong đó, bao gồm:

- Khoản hỗ trợ của Nhà nước liên quan đến tài sản: Là các khoản hỗ trợ của Nhà nước trong đó doanh nghiệp phải đáp ứng đủ các điều kiện liên quan đến việc phải xây dựng, đầu tư, mua sắm, sử dụng,... các tài sản theo quy định của pháp luật thì mới được nhận khoản hỗ trợ của Nhà nước (ví dụ như khoản hỗ trợ của Nhà nước trong một số lĩnh vực để doanh nghiệp nghiên cứu, đào tạo và sản xuất chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo,... hoặc hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,...).

- Khoản hỗ trợ của Nhà nước liên quan đến thu nhập: là các khoản hỗ trợ khác của Nhà nước cho doanh nghiệp ngoài những khoản hỗ trợ liên quan đến tài sản nêu trên.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

b) Kế toán khoản hỗ trợ của Nhà nước liên quan đến tài sản:

- Khi doanh nghiệp nhận được khoản hỗ trợ của Nhà nước có kèm theo điều kiện liên quan đến tài sản: Ghi nhận doanh thu chờ phân bổ.
- Khi thỏa mãn các điều kiện theo quy định để được nhận khoản hỗ trợ: Ghi tăng vốn Nhà nước hoặc định kỳ phân bổ khoản hỗ trợ của Nhà nước liên quan đến tài sản vào thu nhập khác theo thời gian khấu hao của TSCĐ hoặc theo số kỳ phát sinh chi phí mà khoản hỗ trợ của Nhà nước được sử dụng để bù đắp phí tổn cho doanh nghiệp.

c) Kế toán khoản hỗ trợ Nhà nước liên quan đến thu nhập:

- Trường hợp khoản hỗ trợ Nhà nước không kèm theo điều kiện: Ghi ngay 711
- Trường hợp khoản hỗ trợ Nhà nước có kèm theo điều kiện: Khi nhận khoản hỗ trợ của Nhà nước ghi vào 3387, định kỳ, phân bổ vào thu nhập khác.



THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

2. Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị tháo dỡ, di dời,...;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; Lỗ thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác,...;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo CĐKT thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- (1) Chi phí thuế TNDN gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại;
- (2) Chi phí thuế TNDN được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trừ khi được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu theo quy định;
- (3) Hàng quý, đơn vị ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành theo số tạm nộp, cuối năm phải điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành theo số quyết toán;
- (4) Đơn vị phải ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với số tiền thuế TNDN nộp trước (khi chưa có doanh thu tính thuế)
- (5) Chi phí thuế TNDN không bao gồm các chi phí phạt chậm nộp thuế;
- (6) Khoản thuế TNDN bị truy thu của các kỳ trước bị coi là sai sót và phải điều chỉnh theo quy định của VAS 29;
- (7) Phân biệt báo cáo quyết toán thuế và báo cáo tài chính.



BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

TÀI SẢN THUẾ HOÃN LẠI VÀ THUẾ HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

- 1. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả luôn phải được trình bày là dài hạn.**
- 2. Chỉ được bù trừ DTA và DTL khi DTA và DTL liên quan tới thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với:**
 - ✓ cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - ✓ các đơn vị chịu thuế khác nhau có dự định thanh toán CTL và CTA trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong mỗi kỳ tương lai khi các khoản DTL hoặc DTA có giá trị đáng kể được thanh toán hoặc thu hồi.

Lưu ý: Việc bù trừ DTA và DTL chỉ thực hiện khi trình bày BCTC riêng, không bù trừ trên SỔ KẾ TOÁN và tại Việt Nam không bù trừ trên BCTC hợp nhất